

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 2

I. Giải thích tên gọi:

Gọi đủ tiếng Phạn lẽ ra gọi “là Tát-đạt-ma Phân-đà-lợi Tu-đa-la”. Ngài Trúc Pháp Hộ dịch là “Chánh Pháp Liên Hoa”, ngài La-thập đổi chữ Chánh thành chữ Diệu, ngoài ra y theo kinh cũ. Ngài Tuệ Viễn dùng cả hai thuyết, lại dùng nhiều tên gọi khác như Chân pháp, Hảo pháp v.v... Lời bình rằng ngài La-thập đổi chữ Chánh thành chữ Diệu phải có ý sâu nay thử luận bàn, chánh là đối với Tà, được gọi là diệu do hình thô nên được tên, cho chín mười sáu thuật là tà, pháp năm thừa là chánh, đây thì chánh mà nghĩa kém. Năm thừa tuy chánh nhưng vẫn chưa phải diệu cực, chỉ có Nhất thừa rất đối vô thượng thọ tên Diệu là hơn; cho nên bỏ dịch trước, dùng dịch sau. Tụng rằng: Thừa ấy mâu nhiệm thanh tịnh, bậc nhất thắng nhị thừa, đối các thế gian không có trên, ngoài thừa trời người, cho nên đối với thừa thô kia lấy Phật thừa làm Diệu.

Hỏi: Diệu có bao nhiêu thứ?

Đáp: nói lược có hai nghĩa:

1) Diệu tương đãi.

2) Diệu tuyệt đãi.

Diệu tương đãi: là đối với thô nói Diệu. Diệu tuyệt đãi: là chẳng thô chẳng diệu không biết dùng chữ nào nên gượng gọi là Diệu.

Hỏi: Vì sao lập hai diệu này?

Đáp: đến như người khéo léo một phen đối với thô nói Diệu, đối với chấp danh gọi là Đạo thì chẳng phải lý thô lẽ ra là diệu; cho nên kể nói đối với thô nói Diệu chưa phải là hảo diệu. Vì sao? Tuy là tuyệt thô mà vẫn chưa diệu, nếu chẳng thô, chẳng diệu, thô diệu đều bật dứt mới gọi là diệu, nói tuyệt đãi khởi từ đây.

Trong lời tựa kinh, Ngài Quán Công nói: “Nhờ hoa tuyên nghĩa vi tế, mà biểu trưng sự nhiệm mầu của Đạo, gọi là Diệu mà thể dứt sự tinh, thô”. Tụng rằng: “Pháp ấy không thể chỉ bày, ngôn từ tướng vắng

lặng, người Nhị thừa do đó dứt lo nghĩ, Bồ xứ do đó dứt mong cầu chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu đạt cùng tận. Lời bình rằng: “Quán công ngụ ý giống như nghĩa bài Tụng. Nạn hỏi: Giải thích rõ điều này chỉ nói quả diệu, thừa có cả nhân quả không nên chấp thiên lệch chăng? Đáp: Dùng lý nói chỉ có quả diệu. Nhân thừa chưa cùng tốt thì chẳng diệu, chỉ vì nhân học quả hành cho nên tùy phần nói Diệu. Có người chỉ dùng nhân thừa làm diệu thì chưa rõ ráo nguồn gốc của Diệu.

Kế là nói về hai diệu:

1) Bồ ba bày một để Nói Diệu.

2) Bồ gần bày xa: để nói về Diệu, đây là tông lãnh của một kinh. Cho nên, căn cứ đây để nói về diệu tức là giải thích Pháp thứ hai. Căn cứ vào hai diệu, đầu tiên là nói chung về mười cặp, kế là nói riêng nhân quả, nghĩa này nếu thành thì gọi là Diệu, nếu kia không thành thì chẳng phải Diệu.

Thứ nhất: Nói chung về mười cặp là:

Hỏi: Ở đây nói Diệu: quả Phật là thường cho nên nói Diệu hay chưa phải thường cho nên nói Diệu?

Đáp: Quang Trạch Vân công nói: Vẫn là vô thường, vì sao? Vì giáo có năm thời chỉ có thời Niết-bàn thứ năm là giáo thường trụ, bốn thời còn lại đều là vô thường, Pháp Hoa là thời giáo thứ tư cho nên thân Phật cũng là vô thường. Lại kinh này tự nói vô thường như văn dưới nói: lại gấp bội số trên. Tuy là nói lâu dài mà cuối cùng tự có hạn, cho nên biết vô thường. Lại Phẩm Dược Thảo nói: “Cuối cùng trở về Không”, nói cùng trở về không: đã là vô thường thì cuối cùng nhập vô dư.

Hỏi: Đã nói vô thường thì là liễu nghĩa hay không liễu nghĩa?

Đáp: Kinh này nói về Nhất thừa liễu nghĩa, để phân biệt với vô thường không liễu nghĩa, cho nên vừa liễu vừa không liễu.

Lời bình rằng: Kinh này mở môn Phương Tiện chỉ bày tướng chân thật, mở hai thứ Phương Tiện chỉ bày hai thứ chân thật, hai Phương Tiện là thừa Phương Tiện và thân Phương Tiện; hai thứ chân thật: là thừa chân thật và thân chân thật. Nếu vậy trước mở ra Ba thừa là Phương Tiện thì Nhất thừa là chân thật, đã là nói thật thì gọi là liễu nghĩa, sau khai thân Phương Tiện, thân chân thật, vì sao chưa phải nói thật là không liễu nghĩa! Nếu đồng là Phương Tiện, chân thật lấy sau làm bất liễu nghĩa, trước lẽ ra cũng như vậy. Lại đồng là Phương Tiện chân thật, lấy trước làm liễu, lấy sau làm bất liễu, cũng nên lấy sau làm liễu, lấy trước làm bất liễu. Lại đồng là Phương Tiện chân thật, lấy trước làm liễu lấy sau làm bất liễu thì trước chia làm mãn giáo sau chia làm bán

giáo, trước chia làm sâu xa sau chia làm nông cạn, vì có lỗi điên đảo. Nay đã nói nương kim khẩu Phật dạy, đoạn đầu nói về quyền thật thừa, đoạn sau nói quyền thật thân. Quyền thật thừa gọi là thừa rốt ráo, quyền thật thân gọi là thân rốt ráo. Nếu nói thừa quyền thật là rốt ráo, thân quyền thật không rốt ráo thì người ấy chỉ tin phần kinh đầu, không tin phần kinh sau, cho nên tin không đầy đủ. Đại kinh chép: Trong mười hai bộ chỉ tin sáu bộ không tin sáu bộ. Lời nói này nghiệm biết.

Thứ hai nói về nghĩa nhân quả: Xưa nói lúc mới bỏ ba bày một để nói về nhân, kể là bỏ gần, bày xa để nói về quả; dựa theo xưa phán xét thì nhân vừa mãn vừa bán, quả thì chỉ có bán không có mãn, rõ ràng gom ba về một cho nên Nhất thừa rốt ráo là nhân mãn. Chỉ vì nói duyên nhân chưa nói về chánh nhân cho nên nhân không mãn, rõ ràng quả tuy có gần xa khác nhau nhưng đều là vô thường cho nên chỉ nói có bán mà không có mãn. Lời bình giải thích này có hai lỗi:

1) Đoạn đầu nói về nhân, chương sau nói về quả, nghĩa ấy không đúng. Trước nói số nhân ba quả ba, nay nói nhân một quả một, đầu được bỏ ba bày một chỉ nói về nhân ư! Nếu nay nói một chỉ là nhân thì xưa nói Ba thừa việc ấy cũng như vậy. Lại nay nói một quả Phật thừa rốt ráo nói ba nhân ba quả trước đều không rốt ráo, chính là dẫn vật quả nhất, vì sao mới nói về nhân ư! Nghĩa này trong văn đã nói.

2) Nếu nói đoạn đầu nêu nhân liễu, chương sau nói quả chưa liễu tức nhân hơn mà quả kém. Nhân sâu mà quả cạn nghĩa ấy không đúng. Lại nhân khác Thanh văn, quả đồng A-la-hán, vì sao? Vì gom ba về một cho nên nhân khác Thanh văn, vẫn là vô thường nên quả đồng La-hán. Lại do một nhân này cảm quả vô thường, cũng nên dùng hai nhân trước chiêu cảm báo thường trụ, không thể dùng nhân Ba thừa đắc quả thường trụ cũng không thể dùng nhân Nhất thừa đắc quả vô thường. Lại nhân mãn quả bán thì nhân chẳng phải quả, nhân quả chẳng phải nhân quả, cho nên là nghĩa phi nhân quả. Nay đã nói là đối phá hai lỗi để nói hai được. Đoạn đầu bỏ ba bày một:

1) Có cả nhân lẫn quả cho nên trước thì có nhân ba, quả ba, nay thì có nhân một, quả một.

2) Kinh này nói về nhân rốt ráo, quả tròn đầy, nhân là gom ba về một, nhân là nhân mãn, quả bỏ gần bày xa, quả gọi là quả viên, cho nên nhân gọi là quả, nhân quả gọi là nhân quả.

Lại nhân đầy đủ hai nhân cho nên nhân mãn:

1) Chánh nhân gọi là Phật tánh.

2) Duyên nhân tức là muôn thiện như trước đã nói.

Quả đủ hai quả:

1) Quả Tích thân.

2) Quả Pháp thân.

Thứ ba nói về ba đức: đoạn kinh đầu nói hai trí quyền thật tức là Bát-nhã, đoạn sau nói bản tích gọi là pháp thân, hai trí này không có hệ lụy nên gọi là giải thoát, vì vậy nên kinh này nói ba đức đầy đủ nên gọi là thường.

Hỏi: Đại kinh có thể ba đức, kinh này vì sao cũng nói ba đức ư?

Đáp: Kinh này nói nhân nhất Phật thừa, quả nhất Phật thừa; nhân nhất Phật thừa là nhân đủ muôn hạnh, quả nhất Phật thừa là quả đủ ba đức nhân Nhị thừa, là nhân không đủ muôn hạnh, quả Nhị thừa là quả không đủ ba đức. Nếu quả không đủ ba đức thì quả chẳng khác Nhị thừa, nhân không đủ muôn hạnh thì nhân chẳng khác Nhị thừa! Đâu thể như vậy ư!

Hỏi: Làm sao biết đoạn đầu nói Bát-nhã, đoạn sau nói Pháp thân?

Đáp: Bát-nhã là khẩu mật, Pháp thân là thân mật, như phẩm Tứ Tướng nói. Trước nói trí quyền thật nên gọi là Bát-nhã, sau nói thân bản tích nên phải nói về Pháp thân. Giải thoát: hai thứ này không bị lệ lụy thì gọi là giải thoát.

Thứ tư là đối trị hai duyên: Ban đầu là nói trí quyền thật đối Thanh văn nói, nay nói thân bản tích đối Bồ-tát mà nói. Đối Thanh văn nói: Thân tử là tội cùng trong Tiểu, Đại Tiểu giao kế cho nên bỏ Tiểu về Đại. Đối Bồ-tát mà nói: Di-lặc là tội cùng của nhân hạnh, gần với Pháp thân, cho nên trái với nhân vô thường khiến chứng đắc quả thường. Nếu Pháp thân cũng vô thường thì nhân quả đồng địa vị, nhân ở người lại đâu có gì học ư! Lại nhân cũng vô thường, quả cũng vô thường thì nhân ở vị người có thể sánh lường quả đức, ngài Từ Thị Di-lặc đâu có gì nghi ư! Nay đã nói trước đối với người Tiểu thừa mà nói Đại thừa khiến bỏ Tiểu về Đại, nay đối với người chấp vô thường nói thường, khiến người chấp vô thường chứng thường. Lại Tiểu thừa yếu, Đại thừa mạnh, cho nên nói Đại, dùng dẫn Tiểu khiến Tiểu mẫn Đại; vô thường kém mà thường hơn, cho nên nói thường để dẫn vô thường. Khiến người chấp vô thường hâm mộ thường, cho nên có hai giáo, hai duyên, hai đoạn khác nhau. Nếu pháp thân vô thường thì giáo không có khả năng dẫn duyên, duyên không có lý hân hoan đối với giáo.

Thứ năm là nói về song trị (trị cả hai): Đoạn đầu nói Nhất thừa khác với Ba thừa trước, cho rằng ba là bệnh, một là thuốc, dùng một bác

bỏ ba. Chương sau nói nay thường, khác xưa vô thường, thường là thuốc, vô thường là bệnh, dùng thường bác bỏ vô thường, cho nên có xưa nay thuốc bệnh trị nhau. Nếu đoạn sau còn nói vô thường thì chỉ có trị trước không trị sau, thì bệnh trước được lành, bệnh sau không dứt.

Hỏi: Quả cũng khác xưa, xưa trải qua tám mươi hoặc bảy trăm tăng kỳ, nay nói lại gấp bội số trên đâu chẳng phải khác ư!

Đáp: Tuy nói là gấp bội mà cuối cùng là vô thường chỉ ngắn dài là khác ư! Nếu cuối cùng là vô thường thì không hề trị sau, nếu nói xưa là ngắn vô thường nay là dài vô thường cuối cùng là vô thường thì lẽ ra cũng ngày xưa thọ ba ngày, nay diệu ba cuối cùng có ba. Nếu ba, một đối nhau, xưa ba hợp với không ba, lẽ ra cũng là thường, vô thường đối nhau, xưa vô thường nay không vô thường.

Thứ sáu là nói hai địa: Đối hai thứ sinh tử, trước gom ba về một thì thoát khỏi hai địa, thừa trời người nhập Nhất thừa cho nên lia địa Phạm phu, Thanh văn, Duyên giác nhập Nhất thừa cho nên lia địa Nhị thừa; lia hai địa Phạm Thánh cho nên phát tâm Bồ-đề, dần dần tu hành nhập Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa cho đến Đẳng giác, ở đây nghĩa nhân tròn đầy. Nếu quả cũng là vô thường thì chưa tránh khỏi hai thứ tử, nếu chưa thoát hai thứ tử thì chưa vượt qua năm trăm do-tuần. Nếu đã vượt qua năm trăm do-tuần tức là đã thoát khỏi vô thường. Lại nếu quả chưa thoát khỏi hai thứ tử thì quả chưa viên, nếu quả chưa viên thì nhân Thập địa cũng không mãn; nói về nghĩa nhân cũng không thành. Nay nói đoạn đầu khiến cho tất cả chúng sinh lia địa vì Phạm phu Nhị thừa phát tâm Bồ-đề cho đến tu hành Hạnh Bồ-tát đến Đẳng giác. Chương sau nói quả dứt hẳn năm trụ phiền não, đủ làm nghiêng đổ hai thứ tử cho nên nghĩa quả viên. Do nhân mãn quả viên nên kinh này rất ráo.

Thứ bảy là nói hai thứ diệu: Đoạn đầu nói Nhất diệu, đoạn sau nói thường diệu. Đoạn đầu nêu 1 diệu: Vì Đạo không hai nên gọi là một Như Hoa Nghiêm nói: “Tất cả người vô úy, một đạo thoát sinh tử”. Nhưng nhất đạo có hai thứ:

1) Có chín mươi sáu thứ khác nhau nên gọi là nhất.

2) không có năm thừa khác nhau nên nói nhất, không có hai thứ này cho nên nói nhất đạo.

Do không có nhất đạo cho nên trái với đạo gọi là thô, đạo không hai cho nên gọi là diệu, nên đoạn đầu chánh là nói tất cả chúng sinh nhất đạo thanh tịnh. Đoạn hai nói nhất đạo là thường. Tuy biết nhất đạo thanh tịnh chỉ vì chưa biết nhất đạo là thường hay vô thường, nên kể là

nói nhất đạo là thường; do đạo là thường nên là diệu. Đức Như lai là người đã chứng Nhất đạo là vì đạo thường nên Chư Phật cũng thường, do đạo diệu cho nên người thấu đạt thì đạo cũng diệu, do đạo nhất nên người thông đạt đạo cũng nhất, cho nên Chư Phật mười phương đồng một pháp thân.

Vì sao? Vì phi đạo đã là vô thường, đạo cũng vô thường, đạo và phi đạo rốt cuộc có gì khác nhau ư! Nếu như do trước nói chỉ có một diệu không có thường diệu, thì vì diệu không đủ nên không thể gọi là Diệu Pháp Hoa. Lại nhất đạo là thường cho nên một có thể gọi là diệu, do trước nói một cũng là vô thường cho nên một cũng chẳng phải diệu. Nếu vậy chẳng những vô thường diệu, cũng không có một diệu, đã không có hai diệu chỉ có hai thô. Nay nói chỉ một chánh đạo tùy nghĩa mà nói, cho đến cùng cực không hai nên gọi là một, thể chẳng sinh diệt do đó gọi là thường.

Thứ tám là nói ba sự dẫn dắt. Đức Thích-ca một phen hóa độ gồm có ba dẫn:

1) Trước Pháp Hoa gọi là dẫn tà trở về chánh, khi Phật chưa xuất thế có hai thứ tà pháp: a) chín mươi sáu thuật của ngoại đạo xuất gia. b) Hết thấy chúng sinh tại gia thế tục. Hai hạng này tuy khác nhau nhưng đều không phải pháp Phật nên gọi là tà. Đức Như lai xuất thế dẫn dắt hai hạng người này trở về chánh pháp năm thừa. Trong hai hạng người này có người không nghe phi pháp do căn lành trời người mà thành thực, người có căn tánh Ba thừa thì dùng pháp Ba thừa mà hóa độ cho họ, cho nên dẫn dắt hai hạng tà này qui về chánh đạo năm thừa

2) Dẫn khác trở về đồng: trước Pháp Hoa tuy tránh khỏi hai thứ tà nhưng lại chấp năm thừa khác nhau vì vậy cho nên dẫn năm thừa này qui về Nhất thừa tức ý đoạn đầu

3) Dẫn nhân trở về quả: Năm thừa tuy nhập Nhất thừa còn là nhân vị cho nên dẫn nhân trở về quả khiến chứng pháp thân, như hàng Thanh văn lãnh giải rõ ràng bắt đầu vị Thập tín, Di-lặc dứt nghi nói rõ cuối cùng của Thập địa, dẫn hai nhân đầu cuối này trở về quả rốt ráo pháp thân của Như lai. Ba dẫn này chẳng giáo nào không thấu, nhiếp, chẳng nghĩa nào không cùng tận, chẳng phải chỉ hạn cuộc đức Thích-ca mà chính thông suốt Chư Phật. Đã dùng ba dẫn rốt ráo cho nên gọi là kinh tròn đầy tức là liễu nghĩa thường trụ. Lại ba dẫn rốt ráo nên phẩm dưới nói nhiều người đắc đạo. Từ trước Pháp Hoa chỉ có dẫn đầu chứ chưa có hai dẫn cho nên người đắc đạo còn ít. Nếu đoạn sau còn nói vô thường thì chỉ có hai dẫn chứ không có ba dẫn. Lại chỉ có dẫn Thanh văn chứ

không có dẫn Bồ-tát, do Thanh văn không tin một nay khiến nhập một cho nên dẫn Thanh văn. Bồ-tát và Phật đồng là vô thường làm sao dẫn Bồ-tát ư! Lại cũng không được dẫn Thanh văn. Vì sao? Vì Chư Phật và chúng đệ tử Thanh văn, Duyên giác đều là thân vô thường làm sao dẫn được. Lại nếu Phật vô thường khiến cho người Nhị thừa thoái tâm không còn cầu thành Phật. Lại người Ba thừa cũng là vô thường gọi là bán tự. Đại kinh chép: “Vì Thanh văn nói bán tự”. Kinh này chính là dạy Bồ-tát vì sao nói bán tự!

Hỏi: Ba dẫn rất ráo vì sao lại nói Niết-bàn?

Đáp: Các con có hai thứ:

- 1) Không thất tâm.
- 2) Thất tâm.

Con không thất tâm khi nghe ba dẫn rất ráo đều được lãnh ngộ, còn người thất tâm khi nghe ba dẫn thì không ngộ được cho nên Phương Tiện xướng diệt vì nói Niết-bàn mới được thọ đạo; như vậy Niết-bàn vì hàng độn căn mà nói.

Hỏi: Niết-bàn vì hàng độn căn mà nói nên cạn cợt ư!

Đáp: Giáo chẳng phải nông cạn, chỉ vì duyên ngộ nên chuyển thế mà nói, Như cũng là một loại thuốc, người không thất tâm uống trước, người thất tâm uống sau, cũng là một chánh đạo người lợi căn thì ngộ trước kẻ độn căn ngộ sau ! Niết-bàn Pháp Hoa lại càng không khác.

Hỏi: Niết-bàn là vì hàng độn căn mà nói, vì sao kinh nói vì Ca-diếp là hàng tợng loài vương trong người mà nói ư?

Đáp: Cần phải hiểu hai duyên:

1) Trải qua giáo không ngộ duyên, đây là hàng rất độn căn đến Niết-bàn mới ngộ.

2) Trước đã đắc ngộ nay đến Niết-bàn càng lại tiến ngộ, như hàng đại lợi căn, Ca-diếp, v.v... vì hạng này nên nói Niết-bàn. Lại có căn duyên không nghe giáo trước, nghe thẳng Niết-bàn liền biết đủ Như lai rất ráo nhân quả gọi là người đại lợi căn.

Hỏi: Đã nghe giáo trước được ngộ vì sao gọi là độn? Trục kế nghe Niết-bàn lãnh giải vì sao gọi là lợi ư!

Đáp: Nghe qua các giáo từ Tiểu đến Đại từ cạn nhập vào sâu, nên gọi là độn, trục kế nghe rất ráo mà ngộ gọi là độn căn.

Thứ chín là nói về nghĩa ba luân: Đoạn đầu bỏ ba bày một, nghĩa là giáo quyền thật gọi là nói pháp luân, chương kế nói về bỏ gần bày xa gọi là thân thông luân, nói pháp luân nghĩa là tất cả giáo từ đầu đến cuối, tất cả giáo tuy nhiều mà không ngoài quyền thật; năm thừa tức

quyền giáo, Nhất thừa tức thật giáo. Trước thì chia một thành năm nay thì thu năm trở về một. Thần thông luân nghĩa là tất cả thân từ đầu đến cuối, tất cả thân tuy nhiều nhưng không ngoài thân bản tích. Đầu sinh cuối diệt trước phàm sau Thánh gọi là tích thân, không đầu không cuối không sinh không diệt, xưa thì dùng bản thù tích nên ẩn bản vì hiển tích nay thì dùng tích hiển bản, phết tích mà nói về bản. Tha tâm luân: thông quán suốt hai giáo hai thân.

Hỏi: Trước Pháp Hoa có nghĩa ba luân hay không?

Đáp: Cũng có ba luân, nhưng nói pháp luân chưa khai giáo quyền thật, thần thông luân chưa khai thân bản tích, nay bắt đầu khai cho nên khác xưa.

Thứ mười là nói hai thuyết: 1) Trực nói. 2) Giải thích nghi thành nói trước. Trực nói: Đoạn đầu nói không có chín mười sáu thứ tà dị cũng không có năm thừa chánh khác Chư Phật ba đời chỉ có nhất đạo. Đoạn hai thành nói trước, đạo tuy không hai nhưng vẫn là vô thường, lại đồng với chín mười sáu thứ đạo, cũng lại đồng đạo năm thừa không gọi là một đạo. Nay nói chín mười sáu đạo tự là đạo vô thường, nay nói một đạo là đạo thường, đạo năm thừa gọi là đạo vô thường, đạo Nhất thừa mới gọi là đạo thường cho nên nêu đạo thường thành nhất đạo ở trước. Kế là nói riêng nghĩa nhân diệu: Các vị xưa nói kinh này chỉ nói duyên nhân thành Phật chưa nói chánh nhân Phật tánh cho nên nhân cũng chưa diệu. Lời luận rằng: Trước đã nói lược, việc này không nên coi thường, nay sẽ nói rộng: Kinh này đối thô nói Diệu hình thức ba mà nói một, trước có Ba thừa thì có ba tánh nay chỉ Nhất thừa thì chỉ nhất tánh vì thường là như vậy, hoặc thừa một mà tánh ba vì thường không như vậy. Nay xin hỏi: Nếu thừa một mà tánh ba thì tánh đã có ba, tức chúng sinh có người thành Phật, có người không thành Phật, vì sao? Vì có nơi ba tánh mà không có nơi một tánh nên hoặc có người thành Phật có người không thành Phật. Nếu vậy vì sao kinh nói làm chút ít điều thiện đều thành Phật ư! Lại nếu nay không có tánh Nhất thừa mà thành Phật thì trước lẽ ra không có tánh Ba thừa mà thành Ba thừa. Lại trước có ba tánh mà thành lý ba, nay không có nhất tánh thì không thành lý nhất. Lại không có tánh Nhất thừa mà thành nhất, đồng với không có ba tánh sao không thành ba!

Lại đến Pháp Hoa tuy nói Nhất thừa còn có ba tánh Nhị thừa một mà tánh ba, nếu thừa một mà tánh ba thì xưa thừa ba mà tánh một; không thể thừa ba tánh một, đâu được thừa một mà tánh ba! Lại thừa một tánh ba tức sự trái nhau, người trí không tin. Ví như chỉ thành một

vì lại nói sữa có năm tánh, sữa có năm tánh đâu chỉ thành một vì, nếu thành một vị sao lại nói tánh năm! có chút hiểu biết chua mặn khác với cây đá, không nói lời này, có nói cũng không thành nghĩa làm sao lập. Nếu nói nay giáo không có tánh Ba thừa khác trước có ba tánh, lẽ ra nay giáo cũng có nhất tánh khác trước không có nhất tánh, bởi cũng là số như vậy.

Nếu nói nay nói không có ba tánh lại nói không có một tánh thì đã không có ba tánh không thành Ba thừa, nếu không có một tánh làm sao còn thành Nhất thừa! Nếu nói Phật không nói có tánh Nhất thừa lại không nói vô tánh, chỉ vì che tướng nói Nhất thừa thành Phật thì không thành nhân duyên Phật do đâu mà được thành Phật! Nói về thành Phật thì có nghĩa ấy, chúng sinh lý thành Phật có thể thành Phật! Không nói có lý, không có lý thì do đâu mà thành ư! Ví như không nói đá màu vàng có vàng hay không có vàng mà bỗng khiến cho người đùn luyên, việc ấy chưa nghe!

Hỏi: Kinh này đoạn dưới nói: Nhân thiên lưỡng túc tôn biết pháp thường vô tánh, đã nói vô tánh đâu được nói tánh Nhất thừa ư?

Đáp: Ở đây nói phá chấp tánh lại phá ngoại đạo và người Tiểu thừa chấp trong nhân có tánh, nếu như Đại kinh nói tánh của Phật tánh thì đâu được nói vô tánh ư!

Lại nạn hỏi rằng: Kia đã vô tánh cũng không có hạt giống Phật riêng khác với hạt giống Ba thừa, nay lại có hạt giống riêng khác hạt giống năm thừa vì sao không có tánh riêng khác với ba tánh ư! Nếu nói muôn hạnh là hạt giống không có tánh thì muôn hạnh của hạt giống này không có tánh làm sao được thành Phật. Lại một hạnh không thành Phật thì muôn hạnh cũng không thành Phật, muôn hạnh đã thành Phật thì một hạnh cũng chẳng thể nào không thành Phật được. Ngài Long Thọ nói: Trong đất bùn không có bình mà nặn ra cái bình, đầu ngón tay không có xe ngựa, thức ăn uống thì làm sao không có ra ư! Nếu lại nói sợ xưa ngã chấp chưa trừ nên không nói Phật tánh thì sao không sợ nay không được thành Phật mà nói có tánh! Không nên nhìn trước thì sợ, ngó sau thì mạnh dạn, lấy các việc suy tìm sẽ biết, nên nói Phật tánh lại nên nói Phật tánh, Vì sao? Vì Phật tánh là căn bản Phật thừa, do có Phật tánh cho nên nương vào duyên nói lên, nếu chỉ nói duyên nhân không nói bản tánh tức là bỏ gốc vịn cành, vì không sáng suốt.

Lại ngài Thiên Thân giải thích Kim Cương Bát-nhã đã nói Phật tánh hướng chi Pháp Hoa mà không nói, Lại sau khi Phật thành đạo năm năm nói kinh Như Lai Tạng, Nói có Phật tánh, hướng chi Pháp Hoa

mà không nêu. Nếu nói chẳng có thứ lớp giáo cho nên không cần phải dẫn, cũng có thể nói Kim cương, Bát-nhã là vô phương nói ư! Nếu nói ngài Thiên Thân, v.v... không đáng tin thì năm thời là ngài Tuệ Quán chế ra, bốn tông là do ngài Quang Thống trước thuật thì do đâu mà chấp nhận, trái Thánh thuận phạm vì chưa có thí dụ ư! Nếu nói không có văn nói Phật tánh nên không dùng thì văn Niết-bàn, Hoa Nghiêm không có Lê da, Niết-bàn Hoa Nghiêm lẽ ra chưa nói tám thức. Cho nên, không thể căn cứ một kinh khiến đủ tất cả giáo, thì duy nhất có một bộ, tám phương làm sao thi hành. Vì có Phật tánh nên tu hành thành Phật nên gọi là diệu. Nếu không có Phật tánh thì không thể thành Phật nên chẳng gọi là diệu.

Kế là nói riêng về thọ lượng các vị xưa nói: “Từ Đại Phẩm đến Pháp Hoa đều là vô thường.” ông dùng nghĩa gì để chứng minh Pháp Hoa là thường? Lời bình rằng: Nay dùng ba việc để chứng minh:

1) Chứng minh trước kinh Pháp Hoa.

2) Bà-tử soạn luận Kim cương, Bát-nhã cho rằng ba tướng khác thể cho nên lia ba tướng kia là Như lai, ở đây nói ba tướng sinh trụ diệt cùng pháp thân khác thể, lia ba tướng kia là một pháp thân Như lai thì biết Kim cương Bát-nhã đã nói nghĩa thường hướng chỉ Pháp Hoa ở sau mà là vô thường ư! Bát-nhã là hơn Pháp Hoa là kém. Phẩm Thường Đề trong kinh Đại Phẩm nói: Sắc thân Chư Phật có đến có đi, pháp thân Chư Phật không đến, không đi là nói pháp thân là thường, hướng chỉ là Pháp Hoa ư. Kinh Tiểu phẩm nói rõ pháp thân không thể dời đổi biến diệt cùng đồng ý với Đại Phẩm. 3) Kinh Tịnh danh nói: Thân Phật vô lậu, tất cả nguyện mãn đã tận, thân Phật vô vi không rơi vào các số, hai câu này đầy đủ giải thích thân Như lai là thường.

Hỏi: hai câu này làm sao đủ nói hết về pháp thân?

Đáp: thân Phật vô lậu là tử kiết đoạn, thân Phật vô vi không rơi vào các số là quả phước đoạn, tử quả đã dứt đâu chẳng phải thường ư! Lại thân Phật vô lậu cho nên khác thân phàm phu, thân Phật vô vi nên khác thân vô thường của Nhị thừa, vì vậy nên thân Phật thường hằng không có thay đổi. Lại thân Phật vô lậu năm trú phiền não đều nghiêng đổ, thân Phật vô vi nên hai thứ sinh tử đều xa lia, đây khác với thân Bồ-tát. Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến Kim can trở xuống, một niệm vô minh chưa dứt còn gọi là các lậu vô thường, khổ báo còn tồn tại nên không gọi là vô vi, Đức Phật đã lia tất cả nên gọi là thường. Lại thân Phật vô lậu không thể là hữu, thân Phật vô vi không thể nói là vô, phi hữu phi vô tức là pháp thân Trung đạo nên gọi là thường. Nếu là hai

bên thì gọi là vô thường. Lại thân Phật vô lậu tức là giải thoát, thân Phật vô vi gọi là pháp thân Bát-nhã, chỉ điểm tuy có ba mà không ngoài đặc ly để đủ ba đức, nên gọi là thường. Lại thân Phật vô lậu gọi là Không, thân Phật vô vi gọi là bất không cho nên Đại Niết-bàn nói đủ nghĩa không bất không tức là thường. Kinh Tịnh Danh còn nói về pháp thân là thường hưởng chi Pháp Hoa ư! Lại Tịnh Danh nói: “Các nhângiả! Thân này vô thường phải ưa thích thân Phật, đã nói thân này vô thường nên ưa thích thân Phật, thân Phật cũng là vô thường đồng với thân mình có gì đáng ưa thích!”

Hỏi: Bài tựa kinh Tịnh Danh nói về thường nhưng chưa phải là chánh tông kinh!

Đáp: Đây là người ngu hỏi. Hiểu rõ lời Tịnh Danh nói đều là tông kinh Tịnh Danh vì sao nói chẳng phải chánh tông ư? Cho nên, ngài Tăng Triệu nói: “Bắt đầu từ Tịnh độ cuối cùng đến cúng dường, vẫn kia tuy khác nhau mà bậc nhất bất tư nghì. Lại đã chẳng phải kinh tông tức chại cho tông làm sao nói ư! Lại Tịnh Danh có hai chỗ bốn hội. Hai chỗ là:

1) Am viên.

2) Phương trượng.

Bốn hội là: phẩm Phật Quốc nói hội đầu ở Am viên, Phẩm Phương Tiện nói hội đầu ở Phương trượng. Phẩm thăm bệnh đến Phương trượng có nhiều hội, phẩm Bồ-tát Hạnh đến Am viên nhiều hội. Nếu vậy phẩm Phương Tiện là ở nội thất nói vì sao nói chẳng phải chánh tông kinh ư! Lại nếu tựa kinh Tịnh Danh trái với chánh nói thì tất cả các kinh khác lẽ ra đều như vậy. Lại lời tựa truyện của Tử Hạ, tựa truyện của Nguyên Khải lẽ ra đều trái với chánh kinh.

Kế là dẫn văn kinh Pháp Hoa ba phen nói ba phen lãnh giải để chứng minh. Phẩm Phương Tiện nói một phen nói:

1) Nói rõ Giáo quyền thật.

2) Nói lược thân bản tích.

Như nói chỉ có pháp Nhất thừa gọi là Thật giáo, Phương Tiện nói Ba thừa gọi là quyền giáo. Ta trước ngôi đạo tràng gọi là tích thân, từ nhiều kiếp lâu xa đến nay khen ngợi chỉ bày pháp Niết-bàn gọi là bản thân. Thân tử lại lãnh hội hai việc: văn đầu lãnh giải giáo quyền thật, văn kế nói như nay Thế tôn thì từ khi sinh ra, cho đến khi xuất gia và đắc đạo xoay bánh xe pháp cũng dùng Phương Tiện nói, đây là lãnh giải thân bản tích. Đã nói từ khi sinh đến khi xuất gia là Phương Tiện tích thân thì không sinh không diệt là thật thân. Đã dùng sinh diệt làm tích thân, tích thân là vô thường, vô sinh diệt là bản thân, bản thân thì

thường, đây là một thuyết, một lãnh giải. Kế trong phẩm Thí Dụ nói ba xe là quyền giáo, một xe là Thật giáo, Như lai đã lìa các lỗi nhân quả, đầy đủ tất cả đức gọi là Pháp thân; mà sinh trong nhà lửa cũ nát ba cõi gọi là tích thân. Lại nói, lúc bấy giờ Trưởng giả đứng ngoài cửa gọi là Pháp thân, sợ hãi vào nhà lửa gọi là tích thân. Tích thân ở tại ba cõi có tám tướng thành đạo nên có sinh diệt, bản thân vượt ngoài ba cõi nên không còn sinh diệt. Phẩm Tín Giải lại lãnh giải hai việc:

1) Khiến gọi thật giáo.

2) Khiến gọi quyền giáo. Trưởng giả nghiêm sức gọi là bản thân, cởi chuỗi anh lạc mặc áo thô xấu gọi là tích thân.

Hỏi: Đây nói bản tích thật như đã nói, vì sao dùng đây để chứng minh thường vô thường?

Đáp: Nay xin hỏi: Trưởng giả có quyền thuộc vây quanh gọi là pháp thân hay gọi là ứng thân! Nếu là pháp thân thì làm sao lại có quyền thuộc vây quanh, phát ra, thâu vào, lấy, cho lại vì sao nói trong đó dừng ở một thành; nếu là đức Thích-ca ứng thân thì cởi áo châu báu mặc áo thô xấu lại dụ cho thân gì ư! Nay nói Trưởng giả nghiêm sức tức là thân Xá-na, phát ra, thâu vào, lấy, cho gọi là giáo Xá-na. Nếu vậy hình Xá-na giáo ẩn chứa trong Pháp Hoa, giáo Pháp Hoa sao không nói thường ư! Lại vì sao nói là bán tự ư! Nếu Pháp Hoa là vô thường bán tự giáo thì nghĩa Xá-na, Phật giáo lẽ ra cũng như vậy.

Hỏi: Trong đó chỗ nào có văn nói pháp thân là thường?

Đáp: Trong đó dừng ở một thành đã là ứng thân, thì trước khi trong đó dừng ở tức là pháp thân. Cho nên dùng pháp thân hiện bày tích Xá-na thì pháp thân là thường.

Hỏi: Trong giáo của Đức Thích-ca chỗ nào có văn nói về ba thân?

Đáp: Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy thân ta có Xá-na là trăm ngàn Đức Thích-ca vây quanh, hoặc thấy thân ta đầy cả hư không tức là pháp thân, hoặc thấy thân trượng sáu tức là ứng thân.

Hỏi: Chỉ nói lãnh giải hai thân, vì sao kinh nay lãnh giải ba thân?

Đáp: Kinh này lãnh giải Nhất hóa từ đầu đến cuối cho nên lãnh giải đủ ba thân, ba thân riêng tự có sự lựa chọn.

Chu thứ ba cũng đầy đủ hai việc: Giáo quyền thật để biết, như nói Ta ở các cõi nước thành Phật lại có tên khác, đây là nói thân bản tích, trong phần lãnh giải lược mà không trình bày theo lệ trên có thể hiểu.

Hỏi: Nếu vậy ba chu nói đủ hình, giáo, thọ lượng, đâu cần nói nhiều ư!

Đáp hai châu giáo rộng thân lược, chu sau thân rộng giáo lược. Lại châu đầu nêu hai thân làm thành hai giáo, chu sau nêu hai giáo làm thành hai thân.

Kế là căn cứ hai thứ Niết-bàn chứng “tức thị”, lược giải thích nghĩa Niết-bàn, căn cứ đại tiểu Niết-bàn gồm có ba thứ khác nhau:

- 1) Bản tánh vắng lặng khác với chẳng phải bản tánh vắng lặng.
- 2) Dứt hoặc nội ngoại của ba cõi.
- 3) Đầy đủ các đức khác với không đầy đủ các đức.

Bản tánh vắng lặng khác với chẳng phải bản tánh vắng lặng: phẩm Phương Tiện nói: Ta dùng Phương Tiện nói hết các khổ đạo (thị hiện) chỉ bày Niết-bàn cũng là chẳng phải thật diệt”. Đây là nói Phương Tiện Niết-bàn xưa. “Các pháp từ xưa đến nay tướng thường tự vắng lặng, Phật tử hành đạo rồi, đời sau được thành Phật, đây là nói Niết-bàn chân thật của giáo này.

Hỏi: hai thứ Niết-bàn đây có gì khác nhau?

Đáp: Trong văn đã nói rồi, nhưng có người nói rằng đây là văn Nhất thừa chẳng phải Niết-bàn. Nay nói không đúng. Văn kinh chính là đối với tiểu Niết-bàn để nói đại Niết-bàn, tiểu Niết-bàn là Phương Tiện, đại Niết-bàn là chân thật, cho nên câu trước nói chẳng phải chân thật, câu sau nói chân diệt.

Hỏi: hai thứ Niết-bàn làm sao bỏ quyền bày thật?

Đáp: Như Kinh tự nói người Tiểu thừa diệt được phiền não nên gọi là tiểu Niết-bàn, trong Đại thừa nói các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng, nên gọi là Đại Niết-bàn.

Hỏi: Diệt phiền não vì sao gọi tiểu, xưa nay vắng lặng vì sao gọi Đại?

Đáp: Tiểu thừa không biết phiền não và thân vốn tự bất sinh nay cũng không diệt, nên thấy có phiền não sinh nay muốn diệt, đó là quán sinh diệt nên nói Tiểu. Người Đại thừa biết phiền não vốn tự bất sinh nay cũng bất diệt dùng quán không sinh diệt nên gọi là Đại Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao người Tiểu thừa cũng chứng mà không biết vốn bất sinh nay cũng bất diệt ư!

Đáp: Tức văn trước là nói căn cứ nghĩa có thể biết.

Lại Thích luận nói: Đại thừa không môn: nghĩa là tất cả các pháp tự tánh không, tự tướng không. Tiểu thừa không môn: tức phân tích pháp nói là không. luận Nhiếp Đại thừa nói: “Người Tiểu thừa chẳng biết các pháp tánh không, cho nên chẳng đắc pháp vô ngã chân như.” Lại kinh Tịnh danh nói: “Đức Phật vì người tăng thượng mạn mà nói dứt ba độ

gọi là Niết-bàn, nếu không tăng thượng mạn thì Phật nói ba độc tức là Niết-bàn”. Ba độc tức Niết-bàn: ba độc vốn không sinh nay không diệt, đâu chẳng phải tức là Niết-bàn ư! Lại luận Pháp Hoa giải thích Nhị thừa và Nhất thừa có và không có nghĩa, nói không có Niết-bàn Nhị thừa chỉ có đại Niết-bàn Như lai, cho nên biết kinh này nói Niết-bàn khác với Tiểu thừa. Nếu vậy thân đầu đồng với xưa ư!

Thứ hai là nói Niết-bàn Tiểu thừa khác với Niết-bàn Đại thừa:

Phẩm Thí Dụ nói: người Tiểu thừa chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát nhưng thật sự họ chưa được tất cả giải thoát, tử quả trong ba cõi gọi là luống dối, người Nhị thừa vượt ra ngoài gọi là được giải thoát. Tất cả giải thoát: là tất cả cả tử quả trong ba cõi nội ngoại đều lìa gọi là tất cả giải thoát cho nên Niết-bàn đại tiểu nghĩa ngắn dài khác nhau.

Hỏi: Tiểu thừa diệt tử phược trong ba cõi gọi là hữu dư, diệt quả phược của ba cõi gọi là vô dư, Đại thừa thì thế nào?

Đáp: Diệt tất cả tử phược trong ngoài ba cõi đều hết gọi là hữu dư, diệt tất cả quả phược trong ngoài ba cõi tận gọi là vô dư.

Hỏi: Tiểu thừa trước đắc hữu dư sau nhập vô dư, Đại thừa thì thế nào?

Đáp: Tức nhất thời, chướng Phật vô minh đã dứt vô thường khổ báo tức là tịnh, cho nên hai Niết-bàn nhất thời, xuất xứ từ luận Nhiếp Đại thừa.

Thứ ba, là nói Niết-bàn đại tiểu khác nhau: Niết-bàn Tiểu thừa không đủ các đức, Niết-bàn Đại thừa có đủ các đức, như Phẩm Tín Giải nói: “Chúng ta đê mê dài tu tập Pháp Không được vượt thoát hoạn nạn khổ não của ba cõi.” Niết-bàn Tiểu thừa vô thân vô trí nên gọi là không, chỉ có pháp vô nhân nên gọi là không, đại Niết-bàn đầy đủ thân trí và dụng nhân pháp, cho nên phẩm Tín Giải nói: “Vô lậu vô vi, đứng đầu các pháp”. Văn này chứa đựng tất cả nghĩa vô lậu nên gọi là đức Giải thoát, vô vi nên đầy đủ đức Pháp thân, Bát-nhã, Vô lậu vô vi tức là pháp, vua các pháp tức là nhân, cho nên biết thân Như lai vô lậu vô vi tức là Niết-bàn nhân pháp đầy đủ, Phẩm Tín Giải chưa giải thích đủ nghĩa này. Lại Phẩm Thí Dụ nói Niết-bàn Như lai khác Niết-bàn Nhị thừa nghĩa như nói: “Đều dùng Như lai diệt độ mà diệt độ cho, không khiến cho người được diệt độ riêng. “Đây là nói hai diệt đại tiểu khác nhau tức là các quả khác nhau. Lại nói là các chúng sinh vượt thoát ba cõi đều có thiên định giải thoát đầy đủ sự an vui, như Chư Phật, đây là nói các đức sai khác của Phật đức Nhị thừa tức quả nghĩa khác.

Hỏi: Đại kinh vì sao trước nêu quả sau nói về quả quả, văn Pháp

Hoa trước nói quả quá sau nói về quả ư?

Đáp: Luận Nhiếp Lại thừa nói hai quả của Phật đồng với Pháp Hoa mà khác hai kinh là Pháp Hoa vì hàng Tiểu thừa bảo thủ diệt làm chánh, muốn dùng Đại diệt thay Tiểu diệt như dùng xe lớn thay xe nhỏ, cho nên trước nói đại diệt, người Tiểu thừa không cho các đức là quý nên sau nói các đức. Đại kinh nói muốn khen ngợi Niết-bàn cho nên gọi Niết-bàn là quả ở sau cùng trong quả lại hai Kinh này thật không có trước sau, chỉ căn cứ nghĩa phân chia !

Hỏi: Nếu hai thứ Niết-bàn khác nhau muốn nói điều gì?

Đáp: Muốn theo ví dụ nói lên hai thân khác nhau. Hai thứ Niết-bàn Đại tiểu đã khác, hai pháp thân đại tiểu cũng khác. Năm phần pháp thân của Tiểu thừa là thân sinh diệt vô thường, Đại thừa pháp thân gọi là thân thường vô sinh diệt. Nếu kinh này nói pháp thân vẫn là vô thường, thì lẽ ra kinh này cũng nói Niết-bàn chẳng khác Tiểu thừa.

Hỏi: Kinh này nói Niết-bàn chẳng khác trước làm sao biết như vậy?

Đáp: Kinh này nói Phật đã là vô thường, cuối cùng nhập vô dư, đồng với Tiểu thừa. Lại phẩm đầu nói: Đức Phật đê mê nay diệt độ như củi hết lửa tắt cho nên biết không khác với Tiểu thừa. Lời bình rằng: Đây là đại sự phải thỉnh rõ ràng nhất định, trước dẫn phẩm Phương Tiện và phẩm Thí Dụ, từ miệng Phật nói Niết-bàn đại, tiểu là khác, vì sao trái với lời Phật mà nói là không khác, như vậy tức là người không có lòng tin. Lại hỏi vặn rằng: Nếu hai thừa đại tiểu đồng một Niết-bàn thì nhân khác mà quả đồng, việc ấy không đúng! Lại Đại Tiểu thừa vốn kỳ vọng ở quả, ở quả đã đồng đâu cần nhân khác! Nay nói hai nhân khác cho nên hai quả cũng khác, không còn khác nhân cuối cùng trở về một nhân, không còn khác quả cuối cùng trở về một quả.

Hỏi: Kinh này nói đê mê nay Phật diệt độ như củi hết lửa tắt đây là Niết-bàn khô đoạn của Tiểu thừa, vì sao lại nói là Niết-bàn Đại thừa ư?

Đáp: Nói củi hết lửa tắt là cảm lấy làm củi, lẽ ra làm lửa cho nên cảm hết mà ứng dứt.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Phẩm Thọ Lượng nói: “Do sức Phương Tiện nên nói có diệt, không diệt, đâu đồng Nhị thừa khô thân diệt trí nói như củi hết lửa tắt ư! Lại cảm hết thì ứng sẽ diệt, bởi thường là như vậy. Đại kinh chép: “Chư Phật Pháp nhĩ, hữu vi cũng vậy.”

Hỏi: Có người nói: các pháp xưa nay tương thường tự vắng lặng,

đây là nói Nhất thừa vắng lặng tướng Ba thừa, nay vì sao ông dùng phối hợp Niết-bàn ư?

Đáp: Đây là vì nghĩa tình người đó thôi chẳng phải nghĩa Phật. Kinh Phật kệ trước nói chẳng phải chân diệt, kệ sau nói về chân diệt, vì sao đem phối hợp nghĩa Nhất thừa ư! Nếu dùng này nói về Nhất thừa không có ba tướng thì văn trước nên nói Ba thừa chẳng phải chân diệt, không nên nói Niết-bàn chẳng phải chân diệt.

Hỏi: Nay chánh là nói Ba thừa Nhất thừa, làm sao, hiểu được Niết-bàn ư?

Đáp: Chánh dùng Niết-bàn khác nhau cho nên chia ra Ba thừa, Nhất thừa khác nhau! Bởi do Nhất thừa Niết-bàn là chân diệt, Niết-bàn Ba thừa chẳng phải chân diệt, cho nên Nhất thừa là chân thừa, Ba thừa chẳng phải chân thừa. Nếu không dùng Niết-bàn khác nhau, để phân biệt ba, một, thì dùng vật gì để chọn lựa ư! Người giảng kinh phần nhiều mê chỗ này, mong xem kỹ văn.

Lại có người nói: Các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng, đoạn đầu bỏ ba bày một chưa được nói là Đảo châu báu Niết-bàn, lại dùng Đại Phẩm thật tướng Niết-bàn cho nên nói xưa nay vắng lặng lời. Lời bình rằng: “Đó cũng không đúng. Nếu Nhiếp Đại Thừa và Địa luận chánh nói tự tánh thanh tịnh là đại Niết-bàn tức là văn nay nói xưa nay tướng vắng lặng. Luận kia đã giải thích Niết-bàn rất ráo thì biết Pháp Hoa nói viên cực chân diệt.

Hỏi: Mọi người vì sao lại tối tăm mà riêng con lại sáng suốt ư?

Đáp: Đầu tiên giải thích dùng năm thừa hạn cuộc, sau giải thích dùng hai đoạn phê phán rõ không tìm văn kỹ nên mất diệu chỉ kia.

Kế là dẫn thuyết cũ của Quan Hà để chứng minh nghĩa thường vô thường, xưa ngài Trúc Pháp Hộ dịch cựu Pháp Hoa còn chưa thấy phê phán tông chỉ kia, từ ngài La-thập dịch tân bản ở Trường An, Pháp sư Tăng Duệ đích thân đối dịch. Lời tựa Pháp Hoa kia nói rằng: Dùng thọ mạng vô lượng trải qua nhiều kiếp cũng không đủ để nói về sự lâu xa kia, phân thân vô số muôn hình cũng không đủ để khác với thể kia, thế thì tuổi thọ nhất định chẳng phải số kia, phân thân kia rõ ràng không thật, Phổ Hiền hiển nghĩa kia không đến, Đa Bảo chứng nghĩa kia bất diệt. Lời bình rằng: Ngài Duệ Công tự thân kế thừa, ngài La-thập soạn lời tựa kia tức nói thường để chứng minh vì tông Pháp Hoa vốn không đặc, không nương.

Kế là ngài Mạo Lãng ở Hà Tây đối dịch Niết-bàn, người kia cũng dùng Pháp Hoa lược chung nói kinh Pháp Hoa gồm có năm ý. Ý thứ tư

nói: vì nói pháp thân chân hóa không khác, còn, mất, lý là một, như Phẩm Đa Bảo nói mà chúng sinh không hiểu vì nói lên nghĩa này cho nên nói kinh này. Lại nói tháp Đa Bảo hiện là nói pháp thân thường còn, phẩm Thọ Lượng nói rằng lượng bằng thái hư. Lời bình rằng: Đạo lãng soạn sơ giải Niết-bàn thành hành ở thế gian, ngài rất thông hiểu Pháp Hoa, lý chẳng lầm lẫn, nói về ý chỉ thường lại phù hợp với Tăng Duệ. Đạo tràng Tuệ quán nói: “Ba hội đồng đến liền quy về Nhất thừa, diệt ảnh, trừng thân làm điểm cuối của thừa”. Diệt ảnh gọi là dứt tích, trừng thân thì nói về bản, cho nên tích vô thường mà bản thường. Lời bình rằng: lại đồng nghĩa với ngài Tăng Duệ.

Kế chú giải Pháp Hoa rằng: Số chẳng còn mất gọi là thọ, vượt ngoài hạn mức vấn, dài gọi là lượng, rõ ràng pháp thân không thuộc về hình tướng, tuổi tác, khiến cho Đại sĩ chiếu tu đến tột cùng. Không dùng Già-da mà thành Phật, trăm tuổi làm kỳ hạn. Lời bình rằng: Chú thích vẫn là nói về thường mà ý rất mâu nhiệm trong sáng. Vì sao? Vì đã nói chẳng còn chẳng mất, tức là bất sinh bất diệt chẳng dài chẳng vấn, chẳng thường, vô thường mà còn cùng kinh Niết-bàn nói về pháp thân tuyệt bách phi không khác. Kế là ngài Trúc Đạo sinh nói: Sắc thân Phật ứng hiện mà có, không có hình dáng thật, hình đã không thật thì làm gì có thọ ư! Vậy thì, muôn hình đồng rất ráo xưa nay là một. Xưa cũng như nay, nay cũng như xưa, không thời nào chẳng có, không xứ nào chẳng hiện hữu, nếu có thì chẳng có xứ chẳng hiện hữu, tức chúng sinh, Phật thì không như vậy. Do đó, quyết định trường thọ gọi là ở Già-da. Già-da ấy lại chẳng phải Già-da; Già-da đã chẳng phải nghĩa sống lâu kia sao gọi riêng ư! Dài ngắn đây mất, dài ngắn đây còn. Lời bình: Đạo Lăng, Tăng Duệ chỉ nói nghĩa thường, Đạo! Sanh chú thích kinh nói nghĩa phi thường, phi vô thường. Thường, vô thường đều là bác bỏ bệnh tức đối trị Tất-đàn, bậc nhất nghĩa Tất-đàn tức là Pháp thân, Pháp thân đâu có năm câu thường, vô thường, v.v... có thể chấp thủ ư!

Hỏi: Phẩm Dược Thảo Dụ nói rất ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng, cuối cùng quy về không, lẽ nào chẳng phải cuối cùng nhập vô dư, xả thân trí vô thường ư! Lời bình rằng: Ngài Quang Trạch nói đây không hiểu ý văn. Nếu cho rằng kinh này nói Niết-bàn không tức là diệt thân trí. Kinh Niết-bàn nói đại Niết-bàn không, có thể như vậy ư! Lại nếu thân trí cuối cùng vô thường thì đâu khác gì với Nhị thừa! Nay nói Phẩm Dược Thảo Dụ có chia làm hai, rất ráo nêu cả hai quả:

1) Văn đầu nói rất ráo đến nhất thiết chủng trí, đây là đề cao trí quả rất ráo; nói lên trí của người Nhị thừa không rất ráo.

2) Nói Niết-bàn rốt ráo tướng thường vắng lặng cuối cùng quy về không, đây đề cao dứt rốt ráo nói lên người Nhị thừa dứt không rốt ráo. Đã nói hai nghĩa, do đó trước sau khai hai văn. Vì sau nói dứt rốt ráo, nên Niết-bàn Không, chẳng có các tướng.

Hỏi: Vì sao biết nêu quả và quả quả ư?

Đáp: Phẩm Thí Dụ hợp đại xa cũng nêu lên hai quả đều dùng Như lai diệt độ, diệt độ là quả quả, định tuệ của Chư Phật là quả. Công đức Phật tuy nhiều mà chẳng ngoài hai thứ này. Lại Long Pháp sư là tông Pháp Hoa chủ, Ngài nói: Đại Niết-bàn Không, chẳng có các tướng.” Lại nói Không, chẳng có phiến nào đồng với ý này. Ấn Pháp sư nói: “Cuối cùng trở về thường trụ bậc nhất nghĩa Không. Trung Pháp sư nói: “Cuối cùng trở về bậc nhất nghĩa Không trí tuệ. Lại có người nói quả Phật chẳng có hệ lụy cho nên Không. Chú giải rằng: Không có đồng tận mới gọi là không. Lời bình rằng: Các Pháp sư trước nói thường trụ không vô tướng hoặc chú giải ý kinh vượt xa sự phê phán trước, cho rằng Không hữu đều dứt bật nên gọi là Không.

Hỏi: Đã nói Tuổi thọ đâu phải là thường ư!

Đáp: Nếu vậy xứng với Vô lượng thọ cho nên là thường! Kinh A-di-đà nói Vô lượng Thọ đã phi thường, nay nói tuổi thọ sao là vô thường ư! Nay nói có bốn câu:

1) Thật hữu lượng khen ngợi dài, xa cho nên nói vô lượng. Như kinh A-di-đà.

2) Thật vô lượng muốn nói lượng bằng thái hư cho nên nói Thọ lượng, tức ý kinh này, Kinh Kim Quang Minh cũng vậy.

3) Thật vô lượng mà nói vô lượng. Như Đại kinh nói chỉ có Phật mới thấy được thọ vô lượng của Đức Phật kia.

4) Hữu lượng mà nói hữu lượng: như nói Đức Phật Thích-ca thọ tám mươi tuổi.

Hỏi: Nếu kinh này nói thường sao lại dùng Niết-bàn ư?

Đáp: Trước đã nói rồi, Pháp Hoa đã nói Nhất thừa, Thắng-man đâu dùng nói một ư! Đại Phẩm nói Không giải, các Bát-nhã đâu cần nói ư! Lại nếu vậy thì thời thứ ba chỉ có Duy-Ma nói rõ khen và chê, Tư Ích lẽ ra vô dụng ư!

Hỏi: Hai kinh nói thường có gì khác?

Đáp: Kinh này nói thẳng hai nghĩa:

1) Giáo quyền thật.

2) Thân chân ứng. Lược khai hai nghĩa này thì đại chúng liền hiểu rõ. Đại kinh nói rộng bốn đức ba điểm, hai nhân duyên, chánh cho nên

nói khác với kinh này mà ý đồng.

Hỏi: Ông tuy dùng các môn nói Phật là thường, ở đây y cứ đạo lý nói là thường thôi, mà văn kinh này từ chính miệng Phật nói là vô thường, không lẽ trái lời kinh nói là thường sao! Như kinh nói lại gấp bội số trên tức cuối cùng có hạn cuộc cho nên cuối cùng là vô thường?

Đáp: Kinh này nói từ lâu xa đã thành Phật, là đây từ lâu đã chứng thường, khi chứng thường Bồ xứ còn chẳng biết được, nay nói lại gấp bội số trên tức sau khi chứng thường rồi, đây đâu thể biết hạng tìm học không biết chỉ có Phật mới thấy biết được thọ vô lượng của Đức Phật kia cho nên gọi là thường. Lại gấp bội số trên muốn trình bày nghĩa Đức Phật vô thủ chung. Trước nói từ lâu đã thành Phật mà Dật-đa không thấy lúc đầu kia là nói nghĩa vô thủ, nay nói lại gấp bội số trên Di-lặc không thấy ở sau là nói nghĩa vô chung.

Hỏi: Vì sao nói vô thủ chung?

Đáp: Phẩm Hiện Thập bát cũng do việc bí mật mà nói bất sinh diệt, nay mượn dụ vi trần để nói vô thủ chung. Do thân bất sinh diệt khác thân phàm phu Nhị thừa, thọ vô thủ vô chung khác với thọ phàm phu Nhị thừa, do thân của phàm phu nhị thừa bị sinh diệt biến chuyển, tuổi thọ thì có thủ thành chung đều bị hoại trong một thời kỳ. Cho nên, thân Như lai bất sinh diệt tuổi thọ vô thủ chung. Lại Triệu Pháp sư trong luận Niết-bàn chánh là nói hai nghĩa này, sáu đường là không, vì thân nhiếp chúng sinh, sức gánh vác không có vì hóa độ thể kia, gọi là vô sinh diệt, tùy theo mà không được dấu vết, kế đốn mà không nhìn ngó, đứng đầu mà không có đầu cuối. Triệu Công không thấy Niết-bàn Hoa Nghiêm, lại chọn Pháp Hoa Bát-nhã để soạn luận kia cho nên phù hợp với ý kinh.

Hỏi: Kinh này chỉ nói thành Phật đã lâu, vì sao là vô thủ chung ư?

Đáp: Nay xin tìm hiểu rõ ý kinh, nếu chỉ nói thành Phật đã lâu thì đối với duyên cuối cùng có lợi ích gì? Vì sao? Vì mới thành và thành đã lâu đều là vô thường, nay khai thành đã lâu cuối cùng có lợi ích gì? Nay người chấp sâu ý Phật: trước nói lúc mới ở Già-da, cuối cùng đến Song thọ, nên nói thọ là vô thường. Bồ xứ không thấy lúc đầu người Hữu Học tận cùng không biết sau cuối, chỉ có Phật mới thấy thọ vô lượng Đức Phật kia. Xét theo ý chỉ của văn này đâu thể không tin thuận ư! Ba phen xem xét lại càng rõ ràng suy nghĩ rồi quyết định. Cho nên luận Pháp Hoa nói: Lại gấp bội số trên là thì hiện thường mạng của Như lai, Phương Tiện hiển nhiều số vượt quá số trên không thể biết. Tôi thấy văn này mà buồn vui lẫn lộn.

Lại hỏi: Nếu dùng mới thành làm Phương Tiện, lấy thành đã lâu làm nói thật, thì Pháp Hoa nói thành đã lâu đây là nói thật, Hoa Nghiêm nói mới thành chánh giác liền là Phương Tiện. Điều này chưa hẳn như vậy! Lại Đại kinh chép: Ta nghe nửa bài kệ siêu vượt Di-lặc chín kiếp được thành Phật trước. Nay xin hỏi: vượt chín kiếp ấy là nói thật hay quyền giáo, nếu là nói thật thì Pháp Hoa là Phương Tiện, lại nếu siêu vượt chín kiếp là nói thật thì các kinh luận Tiểu thừa nói siêu vượt chín kiếp. Nếu vậy thì Ba tạng là thật giáo, Pháp Hoa là kinh thuộc quyền giáo. Nếu nói Pháp Hoa nói lâu xa là thật, Đại kinh nói siêu vượt chín kiếp là quyền thì Pháp Hoa là thật Niết-bàn là quyền. Lại Pháp Hoa đã khai gần, vì sao Niết-bàn lại che xa ư! Nếu hai kinh gần xa hỗ tương nhau thì về giáo nghĩa ba, một cũng nên như vậy. Lại hỏi nếu Pháp Hoa bỏ gần bày xa nói thành Phật đã lâu làm bản, gần mới thành làm tích, vì sao phẩm Thường Bất Khinh lại che xa nói gần ẩn bản bày tích ư! Không nên trong một kinh mà trước sau trái nhau, nếu trong một kinh bản tích hoặc che hoặc khai thì ba, một hoặc hội nhập hoặc không hội nhập. Lại nếu kinh này nói đã thành Phật đã từ lâu là nói thật thì đầu tiên bỏ ba bày một cùng đồng với Chư Phật, bỏ gần bày xa chỉ riêng có đức Thích-ca. Nếu nói nghĩa này là theo lệ thì phẩm Phân Biệt Công Đức ở dưới các Bồ-tát đều phát nguyện, nguyện ta ở đời vị lai nói tuổi thọ cũng như vậy. Đầu được nói chỉ riêng có đức Thích-ca bỏ gần bày xa mà các Đức Phật khác không ư! Do đây các việc rõ ràng chỉ biết nương vào vô thỉ vô chung để hiển nghĩa pháp thân thường, có thỉ có chung đều là ứng tích. Do nghĩa này giải thích các kinh trên không có chút bế tắc. Nghĩa này khó hiểu, nghĩa bản tích và phẩm Thọ Lượng văn luận lại rộng. Lại nếu nói gấp bội số trên để chứng minh vô thường tức là kinh có hai văn: Văn trước nói thọ mạng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thường trụ bất diệt, văn sau lại nói gấp bội. Nếu cho nói sau là vô thường vì sao không dùng trước chứng minh là thường!

Hỏi: Vì sao trước sau trái nhau? Đáp: Văn sau nêu nhân nói quả, nói khi hành đạo Bồ-tát được thọ mạng đến nay chưa hết, hưởng chi được thọ mạng Phật mà có thể hết ư! Cũng như địa vị thái tử của cải tài vật còn chưa hết hưởng chi lên ngôi thiên tử bằng lộc càng bất tận.

Hỏi: Nhờ đâu được tuổi thọ bất khả tận ư!

Đáp: Từ Thập tín đến vị Thập địa hành đã sâu thì tuổi thọ cũng vô lượng, hưởng chi tuổi pháp thân mà có thể cùng tận ư!

Lại chắc chắn là vô thường mà nói là thường: đây là nương đạo lý thì lẽ ra được phước vô biên, vì Đức Phật nói giáo vốn vì hiển lý. Nếu

là thường trụ mà nói vô thường thì mắc vô lượng tội, như Thích luận nói, thật không có Phật mười phương vì cung kính mà nói có thì được phước; thật có Phật mười phương mà nói không thì mắc tội lớn. Nay nói là kinh rớt ráo pháp thân, bách phi, bất phi, bách thị, bất thị không khác với Đại kinh và Hoa Nghiêm, còn không thể nói thường được thì đâu thể nói là vô thường ư! Cho nên gọi là quả diệu, do nhân quả này diệu nên gọi là “Diệu pháp”.

Kế là giải thích nghĩa Hoa sen: Có người nói tiếng nước ngoài gọi là Phân-đà-lợi, Hán dịch là hoa sen, hoa sen có bốn màu sắc lược ba lấy một, nghĩa là bạch hoa sen gọi là Phân-đà-lợi. Bạch: là màu trắng căn bản trong các màu cũng là dụ cho tuệ bạch tịnh, bình đẳng.

Hỏi; Vì sao Phật nhân dụ thanh hoa sen (hoa sen xanh)?

Đáp: Thanh là màu xanh, dụ cho màu mắt của Phật, lấy nghĩa tương tự làm ví dụ. Bạch: là gốc của các sắc, nói Nhất thừa là gốc của Ba thừa cho nên chọn bạch mà không chọn ba màu kia.

Lời bình: Không đúng. Bởi Hoa sen là tiếng gọi chung, Phân-đà-lợi là danh từ riêng. Vì sao biết như vậy? Bài tựa của Duệ Pháp sư nói trong các loài hoa, hoa sen là quý nhất, mà hoa chưa nở gọi là Quạt-ma-la, hoa nở sắp tàn gọi là Ca-ma-la, giữa thời kỳ phát triển tốt gọi là Phân-đà-lợi. Viễn Pháp sư nói: Phân-đà-lợi-già là tên khi hoa sen nở ra, nhưng thể của hoa này do thời gian biến chuyển, tên gọi cũng tùy theo hình dáng mà biến đổi. Lúc mới nhô lên khỏi mặt nước chưa nở gọi là Quạt-ma-lam, lúc suy tàn gọi là Ma-lại, đang lúc nở đầy đủ xinh đẹp thì gọi là Phân-đà-lợi-già. Đại kinh quyển mười sáu giải thích mười hiệu: Hoa sen, Phân-đà-lợi trong cõi người, hai tên gọi đều xuất hiện nên có sự khác nhau chung riêng, lại nêu bốn hoa sau rốt gọi là hoa Phân-đà-lợi. Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây nói hoa sắc trắng tươi, lại các nơi khác dịch là sắc đỏ, thơm nhất là hoa sen. Nay nói hoa sen quý nhất trong các hoa, lại Phân-đà-lợi đẹp nhất trong các loại hoa sen do đó gọi là hoa Phân-đà-lợi. Lại kệ trong Đại kinh hỏi: Thế nào là ở trong đời vẫn đục mà không bị ô nhiễm như hoa sen? Phẩm Bồ-tát ở dưới nêu đủ bốn hoa để đáp, cho nên biết hoa sen là tên chung, Phân-đà-lợi là tên riêng; nay lấy tên chung dịch là hoa sen. Nếu chưa nở chỉ có nhân mà không quả, hoặc cách đã rụng chỉ có quả mà không có nhân, nay lấy chánh lúc nở, nhân quả rõ ràng. Hoa dụ cho nhân, thật dụ cho quả, hoa dụ cho giáo, thật dụ cho lý.

Hỏi: Vì sao bản Phạm nêu tên riêng là Phân-đà-lợi, trong đây còn tên chung là hoa sen ư?

Đáp: Phân-đà-lợi chắc chắn là hoa sen, nay chọn hoa sen Phân-đà-lợi chẳng khác hoa sen. Lại ở nước ngoài hoa này có ba thời khác tên, ở Trung quốc không dịch ba thời khác nhau, cho nên tên gọi chung bao gồm tên riêng.

Hỏi: Vì sao chọn hoa sen dụ cho kinh này ư!

Đáp: Nói lược có mười sáu nghĩa:

1) Nói hoa này là bậc nhất trong các thứ hoa. Thích luận chép: Trong đất sinh hoa Tu-mạn-na là bậc nhất, trong nước sinh hoa sen xanh là bậc nhất, để dụ kinh này là bậc nhất trong các Kinh. Cho nên, đoạn dưới nói: Chư Phật đã nói, nay nói và sẽ nói mà kinh pháp này sâu xa mầu nhiệm bậc nhất.

Hỏi: Đã nói tức là trước Pháp Hoa, nghĩa là Bát-nhã, v.v... sẽ nói tức là sau Pháp Hoa nghĩa là Niết-bàn vì sao mà Pháp Hoa là khó tin hiểu ư?

Đáp: Các kinh Đại thừa hiển đạo chính là không khác, chỉ là Pháp Hoa về trước đại tiểu chia dòng, Pháp Hoa về sau gom ba lại rồi, nhưng kinh này là bắt đầu trái với ba, mới qui về một cho nên rất khó hiểu, gọi là bậc nhất.

2) Nói hoa này do hạt giống mà sinh dụ cho Nhất thừa từ duyên mà khởi. Cho nên kệ dưới nói: giống Phật từ duyên khởi thế nên nói Nhất thừa.

3) Nói hoa này nở, khếp có lúc, nở thì ban ngày, khếp thì ban đêm để dụ Nhất thừa ẩn hiện có lúc. Đại duyên chưa thuần thực nên ẩn, duyên thuần thực nên hiển.

4) Nói hoa này năng làm điềm lành, dụ cho thấy Pháp Hoa sẽ biết chúng sinh đều được thành Phật.

5) Nói hoa này có ba thời khác nhau mà cuối cùng không lìa một hoa. Dụ cho đối với nhất Phật thừa phân biệt nói ba, tuy nói Ba thừa cuối cùng trở về Nhất thừa.

6) Nói hoa này từ vi đến trước để dụ cho kinh này nói chúng sinh phước một lay, công một niệm dần dần thành Phật.

7) Nói Đại phạm Vương tổ của chúng sinh từ hoa sen đây sinh dụ cho Chư Phật mười phương ba đời căn bản pháp thân do kinh này có.

8) Nói hoa này được chúng trời người yêu kính, dụ cho kinh này được các Thánh tôn trọng.

9) Nói hoa này tuy mọc trong bùn nhưng không bị bùn làm ô nhiễm để dụ cho Nhất thừa tuy ở trong Ba thừa bùn dơ, mà bùn dơ không thể nhiễm ô.

10) Nói hoa này mọc ở trong bùn dụ cho người Nhất thừa phải khởi từ nơi sinh tử.

11) Nói hoa nay khai mà hiện thật, dụ cho kinh này ngôn xảo mà lý hiển.

12) Hoa nay không sinh mà đã sinh thì hoa hạt đều bao gồm, dụ cho kinh này không nói mà đã nói thì nhân quả đều rõ ràng.

Hỏi: Nếu hoa hạt đều bao gồm há chẳng phải trong nhân có quả, nhân quả đi chung ư?

Đáp: Hoa sen chưa phải là quả cho nên chẳng phải nhất thời, lia hoa sen không quả cũng chẳng có trước sau.

13) Nói hoa này phải sinh từ quả, các hoa khác không như vậy, hoặc sinh hoặc không sinh, dụ cho nhân Nhất thừa sẽ thành Phật, nhân Ba thừa hoặc thành Phật hoặc không thành Phật.

14) Nói hoa này được Chư Phật bước lên, là chỗ gá sinh của các Thánh dụ do kinh này được Chư Phật che chở dạy Pháp Bồ-tát.

15) Nói khi hoa chưa nở thì hạt sen không hiện, dụ cho Phật lúc mới ra đời nói pháp nói có Ba thừa, Nhất thừa, hạt sen chưa hiện, hoa nở, hạt mới hiện, mở môn Phương Tiện Nhất thừa chân thật mới hiện. Cho nên, hoa này có mở, chưa mở dụ cho Ba thừa là quyền, Nhất thừa là thật.

16) Khi Phật mới thành đạo ở thế giới Liên Hoa Tạng nói pháp môn Nhất thừa, nay vì Nhị thừa mà nói Nhất thừa khiến cho người Nhị thừa đồng nhập pháp giới, đồng ở cõi Liên Hoa Tạng. Cho nên, dùng hoa sen để tiêu biểu nghĩa này.

Hỏi: Hoa sen chỉ là thí dụ tên cũng được gọi là pháp nói ư?

Đáp: kệ trong Kinh Đại Tập, nói rằng: “Từ bi làm cọng, trí tuệ làm lá, Tam-muội làm tua, giải thoát là nở Bồ-tát làm ong chúa hút vị cam lộ cho nên kính lễ Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu quán ý này đầy đủ các đức làm hoa sen.

Hỏi: Hoa sen có mấy loại?

Đáp: Thích luận nói có ba loại:

1) Hoa sen ở cõi người, có hơn mười cánh.

2) Hoa sen ở cõi trời, có trăm cánh.

3) Hoa sen ở cõi tịnh Bồ-tát có ngàn cánh hoặc vô lượng lá, chọn sự tối thắng làm dụ tức nói hoa Bồ-tát. Mượn gần để so sánh xa tức gọi là hoa.

Về sau thấy luận Pháp Hoa nói kinh Đại thừa nói có mười bảy tên:

1) Nói lên công đức sâu xa, phải biết một tên kinh Vô Lượng Nghĩa là nghĩa chữ thành tựu của kinh, dùng pháp môn này nói cảnh giới pháp sâu xa mẫu nhiệm kia, cảnh giới sâu xa mẫu nhiệm ấy là cảnh giới pháp tối thắng của Chư Phật Như Lai.

2) Tối thắng Tu-đa-la: là diệu tạng tối thắng trong Ba tạng được thành tựu.

3) Đại phương quảng: vô lượng môn Đại thừa tùy căn cơ chúng sinh trụ trì thành tựu.

4) Pháp giáo Bồ-tát: là giáo hóa Bồ-tát căn cơ thuần thực, tùy khí pháp thành tựu.

5) Phật sở hộ niệm; nương Chư Phật Như lai có pháp này.

6) Pháp bí mật của tất cả Chư Phật, Pháp này sâu xa Như Lai biết.

7) Kho tất cả Phật: kho công đức Tam-muội của Như lai ở kinh này.

8) Chỗ bí mật của tất cả Chư Phật: căn cơ chúng sinh chưa thành thực chẳng phải pháp khí thì không cho.

9) Năng sinh tất cả Chư Phật: nghe pháp môn này sẽ thành Phật Bồ-đề.

10) Gọi là Đạo tràng của tất cả Chư Phật: nghe pháp môn này sẽ thành A-nậu Tam-Bồ-đề, ngoài kinh này ra thì không thể được.

11) Gọi là pháp luân do tất cả Chư Phật chuyển: pháp môn này phá được tất cả chướng.

12) Là Xá lợi cứng chắc của tất cả Chư Phật, nghĩa là pháp thân chân như của Như Lai ở kinh này không hoại.

13) Kinh đại xảo Phương Tiện: của tất cả Chư Phật: nương pháp môn này thành đại Bồ-đề rồi vì chúng sinh nói pháp cho hàng trời người, Thanh văn, Bích-chi-phật, v.v...

14) Kinh nói Nhất thừa: Pháp môn này nói lên thể A nậu Tam Bồ-đề rốt ráo của Như Lai, người Nhị thừa chẳng rốt ráo.

15) Trú bậc nhất nghĩa: pháp môn này tức là trụ xứ rốt ráo, của pháp thân Như lai.

16) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có hai nghĩa:

a) Nghĩa lên khỏi mặt nước: không thể ra khỏi hản nước, tức là ra khỏi bùn dơ của Tiểu thừa, lại có nghĩa hoa sen ra khỏi nước, bùn dơ cho hàng Thanh văn vào ngồi trong đại chúng của Như Lai như các Bồ-tát ngồi trên hoa sen, nghe nói cảnh giới vô thượng trí tuệ thanh tịnh chứng Như lai mật tạng.

b) Hoa nở, tức là chúng sinh đối với Đại thừa trong tâm sợ hãi không thể sinh tín tâm, khai thị pháp thân thanh tịnh mẫu nhiệm của Như lai khiến họ sinh tín tâm. 17) Pháp môn: là nhiếp thành tựu. Nhiếp thành tựu là nhiếp lấy vô lượng danh cú tự thân. . . các bài kệ như Tân-bà-la, A-xá-bà.

IV Nói về tông chỉ của kinh:

Hỏi: Kinh này lấy gì làm tông?

Đáp: Nói thì rất nhiều, lược trình bày chỗ thấy có mười ba nhà.

1) Viễn sư nói: Kinh này lấy Nhất thừa làm tông, pháp Nhất thừa như gọi là Diệu pháp, như Phẩm Thí dụ nói: “Thừa ấy thanh tịnh mẫu nhiệm bậc nhất đối với các thế gian không có thừa nào hơn.” Lời bình rằng: Chưa thấy bài tựa gốc của Viễn công, tương truyền như vậy. Xét thấy trong kinh từ đầu đến cuối tuy nói Nhất thừa mà Nhất thừa có đủ nhân quả, sao lại chỉ dụng nhân mà không dụng quả ư! Đây thì được nghĩa ở nhân mất nghĩa ở quả. Lại quả môn đã đầy đủ có thể được gọi là Diệu, nhân hạnh chưa viên sao được gọi là diệu, do quả diệu cho nên được làm Tông, nhân đã không diệu đâu được làm tông.

2) Long sư nói: Kinh này chỉ dùng quả làm tông. Ngài nói Diệu Pháp là thể linh trí của Như Lai, rèn luyện hết các căn dục thô này nên gọi là Diệu. Động tĩnh làm khuôn phép cho chúng sinh gọi là Pháp, pháp đã chân thật mẫu nhiệm khó dùng lời để nói nên mượn hoa sen làm dụ lấy quả trí làm tông. Lời bình rằng: Quang Trạch thọ kinh với Ấn, Ngài Ấn sư bẩm thọ với ngài Long Thọ, Long Thọ là người tinh chuyên nghiên cứu Pháp Hoa. Nhưng đây giải thích dùng văn nghĩa cả hai suy tìm thật phù hợp với kinh. Làm sao biết? Vì bắt đầu khai tông, nói rộng đều khen ngợi tuệ Phật, nên nói: Vì nói tuệ Phật cho nên Chư Phật xuất hiện ở thế gian. Lại nói ta được trí tuệ mẫu nhiệm bậc nhất, cho nên biết một kinh từ đầu đến cuối đều nói tuệ Phật. Xét theo lý thì trí tuệ Ba thừa còn chưa tròn đầy chỉ có trí tuệ Phật mới gọi là rốt ráo. Đã muốn dẫn dắt Ba thừa hướng đến Nhất thừa thích hợp khiến đều học trí tuệ Phật, tức là dùng tuệ Phật làm tông chỉ. Nhưng trí tuệ này soi chiếu không chỗ nào không tròn đầy, hệ lụy đều dứt hết gọi là diệu, thể đáng làm khuôn phép tắc gọi là Pháp. Chỉ một trí tuệ này là thật hai thứ còn lại chẳng phải chân thật gọi là nhất. Thông suốt tự tại tung hoành vận dụng không ngăn ngại gọi là thừa. Rõ ràng đây giải thích ý không gián đoạn. Chỉ vì đã có diệu quả thì phải có diệu nhân, xét thấy kinh từ đầu đến cuối nhân quả đầy đủ. Nếu riêng dùng quả làm tông thì được ở quả mà mất ở nhân, nghĩa cũng chưa tin thuận.

3) Đời Tống, Đạo Tràn Tuệ Quán Pháp sư có lời tựa rằng: Kinh này lấy diệu nhất làm danh, chân tuệ làm thể. Diệu nhất làm danh ấy là Ba thừa, khác dòng thì chẳng phải chân, cuối cùng mong hội nhập trở về thừa duy nhất, thừa đó duy nhất gọi là Diệu pháp. Tụng rằng: Thừa ấy thanh tịnh mầu nhiệm bậc nhất đối với các thế gian không thừa nào sánh bằng. Chân tuệ làm thể: đức Thích-ca dùng âm thanh mầu nhiệm lúc mới khen ngợi tuệ Phật sâu xa, đức Đa Bảo khen ngợi thì gọi là đại tuệ Bình đẳng. Tụng rằng: Vì nói tuệ Phật cho nên Đức Phật xuất hiện ở đời, chỉ có một sự thật này còn hai khác thì chẳng chân thật. Tựa kia lại nói: Bắt đầu gom ba trở về Nhất thừa. Đây là nói Ba thừa đồng nhập Nhất thừa bắt đầu được tin hiểu cho nên gọi là bắt đầu. Giác tuệ thành tựu viên mãn thừa đầy đủ, đây là nói quả Phật thành tựu tròn đầy gọi là thừa đầy đủ, là điểm cuối cùng của thừa. Đây diệt ảnh, lắng thần, là thừa cuối cùng, ở đây nói dứt tích qui bản, nói pháp thân thường hằng gọi là thừa cuối cùng. Tuệ quán soạn lời tựa xong đem trình ngài La-thập, La-thập khen rằng: người Thiện nam tự không thể thâm nhập kinh tạng thì đâu thể nói như vậy! Lời bình rằng: Tìm xem giải thích đây thể đầy đủ, nhân quả tròn đầy, từ đầu đến cuối cả hai nêu bản tích đều rõ ràng, văn ý đầy đủ, khế hợp như ngài La-thập khen ngợi.

4) Ngài Ấn sư chùa Trung Hưng nói: “Kinh này cũng lấy tuệ thật Nhất thừa làm thể.” Dưới khai tông trong đó khen ngợi rằng: trí Phật sâu xa tức là tuệ thật, lại nói chỉ có Phật và Phật mới có thể cùng tận thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là diệu cảnh Nhất thừa. Cho nên, cảnh trí làm tôn kinh. Vì sao? Vì cảnh chẳng thật không lấy gì sinh tuệ thật, chẳng phải tuệ thật, không lấy gì chiếu soi cảnh thật, do đó gọi là Nhất thừa. Vì cảnh thật tướng thể không có ba giả dối cho nên gọi là thật tướng. Lời bình rằng: Ấn sư thọ kinh với Long sư, Long sư nói tuệ Phật làm tông mà Ấn sư lại dùng thêm cảnh cho nên dùng cảnh trí làm tông. Nhưng kinh chẳng phải không có cảnh trí, chỉ tại thiếu nhân quả nên đối với quán cũng chưa phải đều tốt đẹp.

5) Pháp sư Quang Trạch thọ học kinh với Ấn sư mà không dùng giải thích của Ấn sư, nói: “Kinh này lấy Nhất thừa nhân quả làm tông cho nên kinh có hai đoạn. Đoạn đầu bỏ ba bày một để nói nhân, đoạn sau bỏ gần bày xa để nói quả.” Lời bình rằng: Sự giải thích rõ ràng của ngài Quang Trạch, rất thịnh truyền ở đời cho người Hữu Học sau nghiên cứu. Lại đã có văn nhân quả, nên phù hợp với ý chỉ của kinh. Nay dùng văn nghĩa suy tìm ý còn chưa tin, vì sao? Vì đoạn sau nói bỏ gần bày xa có thể được gọi là quả, nhưng trước nói về bỏ ba bày một chẳng phải

chuyên nói nhân, Vì sao? Vì ngày trước nói ba nhân thì có nhân ba, quả ba, ngày nay nói về một thì có nhân một quả nhất, khai nhân ba quả ba trước đều là Phương Tiện, hiển nhân một quả chẳng nay đều là chân thật, sao được bỏ ba bày một để nói về nhân ư! Lại nhân quả vừa viên, bản tích chưa đủ như trước đã bình.

6) Sư nói: “Kính này đã bỏ quyền bày thật thì phải dùng hai trí làm tông, bỏ ba tức là nói quyền, bày một là nói thật, đoạn dưới bỏ gần bày xa nghĩa cũng như vậy; bỏ gần là quyền, bày xa là thật, chưa liễu tác giả. Lời bình rằng: hai tuệ Quyền thật xuyên suốt chung một kính thật như đã nói. Xét thấy quyền thật đây chỉ là quả trí, cuối cùng lấy quả làm tông, đồng như lời bình ở trước. Lại nếu dùng quyền thật làm tông thì nên dùng đủ ba, một làm thể, nay không thể dùng ba, một làm thể thì sao được dùng quyền thật làm tông! Lại đoạn đầu bỏ quyền bày thật nên gọi là hai trí quyền thật, chương sau bỏ gần bày xa nên gọi là hai thân bản tích. Nếu đều dùng quyền thật thì thân trí lẫn lộn nhau.

7) Sư nói: “Đã gọi pháp tức lấy Diệu Pháp Liên Hoa làm tông, Diệu pháp tức là sở đắc pháp tánh chân thật căn bản của Phật, pháp tánh này không bị hoặc ô nhiễm, không đồng với hoặc nên gọi là tịnh, do tịnh nên gọi là diệu, cho nên dùng đây làm đề, tức lấy làm tông. Hoa sen: như trước dẫn Kinh Đại Tập, chọn các đức làm hoa không dùng hoa sen thế gian”. “Lời bình rằng: Tìm sư đây học tập ở ngoài phương này. Nghĩa là thức thứ tám tự tánh thanh tịnh cũng gọi là tánh tịnh Niết-bàn lấy làm diệu pháp. Đã nói là sở đắc của Phật tức lại là nghĩa quả giống như trước đã bình. Lại luận Nhiếp Đại thừa, Bồ-tát A tăng già soạn luận Thập Bát Không do Bà-tẩu soạn v.v... đều nói tám thức là vọng thức, nghĩa là căn bản sinh tử. Đời trước, Địa luận sư dùng thành Phật tánh gọi là chân cực. Trước Bát-nhã chưa độ, Viên Sư đã ngộ là nghĩa chân không, Niết-bàn bất tận, Đạo Sanh soi biết là Phật tánh, các Địa luận sư có thẹn những gì trước thấy. Lại kính này mục đích hưng khởi bất chánh nói về tám thức, nghĩa là tám thức giao riêng cho các giải thích khác.

8) Sư nói: Kính này lấy thường trụ làm tông, vì sao? Vì đại luận Phật giáo tông chỉ ở thường cho nên kính này lấy thường làm tông chỉ, nhưng giáo môn chưa cùng cực! Là che lấp tướng nói về thường”.

9) Sư nói: “Kính này lấy sự nói lên rõ ràng về thường nên lấy thường trụ làm tông chỉ. Như văn dưới nói: thường trụ bất diệt. Chỉ vì cùng Niết-bàn nói về thường có rộng, lược khác nhau”. Lời bình rằng: hai sư này tuy có che, hiển khác nhau, nhưng nói về nghĩa thường thì đồng. Nhưng chẳng phải không có văn thường trụ, chỉ nghĩa thường là ý

bỏ gần bày xa, chẳng phải nói của một kinh từ đầu đến cuối. Lại Thích luận nói: Kinh Pháp Hoa là pháp bí thâm nói A-la-hán được thọ ký thành Phật, chẳng phải chính là nói nghĩa thường. Che lấp tướng cùng nói lên, đến Phẩm Thọ Lượng tự sẽ thấy rõ.

10) Sư nói: “Lấy muôn thiện làm thể chỉ khiến cho mỗi điều thiện sẽ không suy yếu đều sẽ thành Phật”. Lời bình rằng: Muôn điều thiện làm thể cũng là nghĩa lấy nhân làm tông chỉ, được ở chương đầu mất ở đoạn sau, lại giống như trước đã bình.

11) Sư nói: “Muôn điều Thiện làm thể”, Đây là đại thông suốt mà lạm dụng. Kinh này đã nói Nhất thừa, chỉ chọn công cụ trang sức của thừa, thích nghi dùng Nhất thừa làm thể, công cụ trang sức thừa như văn dưới nói: xe kia cao rộng cho đến dùng trâu trắng kéo chỉ chọn Đại thừa vô lậu để dứt bỏ pháp hữu lậu. Lời bình rằng: Xét thấy giải thích này dùng Nhất thừa làm thể không đồng với sư đầu. Sư đầu nói chung Nhất thừa, nay chỉ chọn vô lậu nói nghĩa; đã hạn cuộc chẳng phải sử dụng.

12) Lời tựa Pháp Hoa của Pháp sư Tăng Duệ ở Trường An nói: suy tìm ý chỉ của kinh sâu xa rộng lớn mầu nhiệm, đâu chỉ nói thật qui về bản mà đường lối khác nhau ư! Là đại minh giác lý bao gồm xưa nay tuổi thọ quyết định kia, chẳng có số phân thân kia, rõ ràng không thật, Phổ Hiền nói lên kia không đến, Phật Đa Bảo nói về không diệt, đây là mất công đối với bản vô quên kỳ vọng đối với nhị địa. Lời bình rằng: Duệ Công tự đích thân thừa sự La-thập, là tông truyền dịch soạn lời tựa này, cho nên tự đứng đầu các sư cùng Quang Trạch một môn nhưng số điều phần lớn khác nhau. Ban đầu bỏ ba bày một để nói về nhân. Duệ Công gọi chung là nói thật quy bản. Thuyết thật qui bản: Nhất thừa một nhân gọi là chân thật, chẳng phải chỉ đoạn đầu chính là nói về nhân, đây là một nghĩa khác nhau. Quang Trạch nói chương kế nói về quả cũng là số lượng, Duệ Công nói tuổi thọ nhất định kia chẳng có số, chẳng số nên thường hằng bất biến không có hạn số, hai nghĩa khác nhau. Quang Trạch nói kinh này chưa nói thường, chỉ một pháp thân mà dấu vết. Duệ Công nói phân thân rõ ràng không thật kia, vì không thật nên đức Thích-ca và phân thân đều là ứng tích, chẳng phải thật thân tức hiển pháp thân là thật, cho nên mất công đối với bản không quên mong mỏi ở nhị địa, đây đều là nói về quên danh bất tướng, không trụ không đắc, không nhân không quả, chẳng đầu chẳng cuối không một không hai cho đến chẳng thường chẳng vô thường, nói lên thật tướng các pháp không thể nói năng bốn thứ không đồng, cùng Quang Trạch bốn điều

khác nhau sẽ dùng tuệ quán xét, ba việc đồng đã cùng với kia bầm thọ cùng thấy là ngài La-thập, một xe không có hai dấu vết.

13) Lưu Cầu nhóm họp chú giải của Thái an Lâm Nhất Viễn công, La-thập, Tăng Triệu, Dung Hằng thuyết của tám Sư, tựa kia đại ý nói: giáo ngưng đọng nơi ba một, tiêu biểu quả mâu nhiệm ở ngoài thân một tượng sáu, không danh không tướng là chỉ qui của kinh này, từ phi đạo vượt ba không, trí thông Thập địa sao có thể nói được, danh đối với vô danh lẫn lộn nói đối với vô nói ấy ư! Lời bình rằng: Tìm ý chú giải cùng với Duệ quán, v.v... phần lớn là đồng, đồng nói về nói không nương không đắc, quên ngôn quên tướng.

Hỏi: Đã nghe nói khác chưa thấy tông này làm khác các sư, hay vì đồng các tượng (thầy khéo) ư?

Đáp: Nếu do ngộ mà nói thọ theo ngộ này nói khác đều nhờ đó được lợi ích thì các sư giải thích không thể gọi là sai, nếu nghe mà không ngộ thì các sư không thể gọi là đúng, ý của một sư chỉ qui ở ngộ. Nên dùng ngộ làm tông của kinh, bất luận đồng khác.

Hỏi: Phù hợp kinh cần nên ghi chép, trái vẫn nên bỏ, vì sao đồ tím cùng quán suốt đục trong còn lẫn lộn dòng, chỉ ngộ làm tông, chưa liễu có thể lãnh giải ư?

Đáp: Nếu phù hợp kinh nghe mà không ngộ, đối duyên chẳng phải thuốc thì nên bỏ, như kia giải thích trái với kinh Phật, nghe mà thọ đạo thì thành lý cam lồ cần phải ghi chép cho nên ngọt hay độc không nhất định, chỉ ngộ làm tông. Về sau thấy luận Nhiếp Đại thừa cùng một sư phần lớn rất phù hợp, Bồ-tát đối với tất cả các pháp không có định giáo, không có định thân, chỉ lấy lợi ích làm nhất định.

Hỏi: Nếu đối duyên lấy ngộ, đều kế hợp đạo, trong luận vì sao hiển chánh phá tà?

Đáp: Vì duyên không ngộ cho nên phá tà như kia kế hợp đạo đều là chánh nói.

Hỏi: chỉ có ngộ mới hợp với đạo, chẳng hay ở đây nói xuất xứ từ văn nào?

Đáp: Đây chính là bản hoài của các thánh là tông lãnh của kinh, luận chẳng những hợp lý mà thật cũng có văn. Cho nên Đại kinh chép: “Tất cả các pháp không có tướng nhất định, nếu có tướng nhất định thì đó là tướng sinh tử hoặc tướng ma vương, chẳng phải tướng Phật pháp, do không có tướng nhất định nên đức Như lai đối với phi đạo nói đạo, đạo nói phi đạo, thường nói phi thường, phi thường nói thường. Nếu pháp có định thì phải lẽ ra nói phải, trái nên nói trái, mà phải trái trở lại

luận chân ngụy nói xen lẫn, cho nên biết pháp không có tướng nhất định chỉ ngộ là theo”. Lại trong Tránh luận nói: “Các đệ tử của ta nghe nói rồi không hiểu ý ta, tuy lãnh chánh ngôn mà chính thành tà nói! “Lại Trung luận nói:” Tất cả thật, tất cả phi thật, vừa thật vừa không thật, chẳng phải thật, chẳng không thật.” Người liễu ngộ đối bốn câu đều là Phật pháp, người không liễu ngộ bốn câu đều là pháp của ma.

Lại Thích luật nói: “Không đắc năng lực Phương Tiện Bát-nhã nên học môn A tỳ đàm rơi vào hữu kiến, học Không môn rơi vào vô kiến, học môn Côn lặc rơi vào không hữu kiến, học Phi hữu phi vô rơi vào ngu si luận, đắc Bát-nhã Phương Tiện học bốn câu này không rơi vào bốn kiến.” Lại Văn kinh-thù chép: mười tám và bản hai đều xuất xứ từ Đại thừa, chẳng phải cũng không trái ta nói đời vị lai khởi hai mươi bộ này, đều là Như lai phó duyên Phương Tiện người nghe đều đắc đạo cho nên đều là Đại thừa”, Lại nói kinh Đại Tập chép: “Tuy có năm bộ đều không ngăn ngại pháp giới Như Lai và đại bát Niết-bàn.” Lại kệ của Ba tạng pháp sư Cầu-na nói: “Các luận đều khác nguyên nhân, tu hành lý không hai, thiên chấp có phải trái người thấu đạt thì không sai trái tranh cãi”, Qua đây xét thấy dùng ngộ làm tông chỉ, sự phán định này nên tin, đây chẳng phải chỉ muốn thông một giáo mà chính là thông suốt chung các kinh.

Hỏi: Nếu chỉ ngộ làm tông chỉ, vì sao trước bình nghĩa được mất kia ư?

Đáp: Nếu trước đã thông hiểu thì không đợi nay hỏi, như kia chưa hiểu lại vì phân tích. Đại khái trước phán xét nói gồm có ba dấu vết:

- 1) Đối duyên đều ngộ thì các giải thích không sai.
- 2) Nghe đều mê lầm, thì nói khác cũng không đúng.
- 3) Tự có ở đây tức ngộ ở kia sinh mê, thì đây nói thành chánh, kia nói thành tà. Cho nên pháp không có tướng nhất định, nói lên ở đây chỉ ngộ là tông chỉ, sự rõ ràng ở nay nói.

Hỏi: Nếu căn cứ duyên ngộ làm chánh, duyên mê là tà, đây nói thông suốt, tự có kim khẩu Phật nói và không phải kim khẩu Phật nói, nhưng trong Phật nói có kinh liễu nghĩa kinh bất liễu nghĩa. Nếu vậy thì lẽ ra có chánh nói tà nói. Nay y theo văn mà phê phán, làm sao giải thích phù hợp với kinh ư?

Đáp: Như Lời bình ở trước được mất đã rõ ràng.

Hỏi: Trước nói được mất tự là tông chỉ xưa nay muốn an tâm mong nghe nói khác hay sao?

Đáp: Người muốn an thân ưa khác nhau, vì sự to lớn của nhập đạo,

lụy ở thông suốt giáo càng thêm độc, nay sẽ vì con mà trình bày sự thất tâm, có chỗ an tâm thì tình có chỗ nương tựa, tình có chỗ nương thì danh có sở đắc, có sở đắc thì có chỗ trói buộc, có chỗ trói buộc vì các sự ràng buộc như vườn rừng phủ tạng muôn sự khổ, cho nên muốn an thần sự lại chiêu cảm lỗi này.

Lại nói: Nguyễn nghe nói khác, nếu nói câu việc khác thì khác lại có khác, khiến cho khác khác không cùng. Lời xưa nói: chân ngôn qui về nơi cạnh tranh, biện luận tông vượt ngoài sự ưa khác; có thể nói là cách thành càng xa, đường nguy hiểm càng nhiều. Nếu trái ngược thì càng lầm lẫn rất xa, ắt muốn hội tụ hư tông kế hợp huyền tịch, phải tự đồng với trước khác với sau, trong thấy chẳng phải mình thấy, ngoài nghe chẳng phải mình nghe, hư tâm kia thật soi chiếu tức là nghe, điều chưa nghe chưa hề có pháp như thế, pháp ấy gọi là Pháp Hoa, đại tông chỉ Pháp Hoa, ý đó ở đây.

Hỏi Nếu tâm có chỗ nương đã gọi có chỗ buộc, tình không nơi nương tựa thì lại nhiễm không, kia còn đào núi đến hang đều không tránh khỏi hoạn nạn, cho nên đoạn kinh ở dưới dạy: hoặc có hoặc không kiến đầy đủ sáu mươi hai ư?

Đáp: Thật như đã hỏi, trước là mượn không để nêu có, bệnh có đã dứt, không cũng chẳng để dấu. Thích luận chép: Như sương đá làm cỏ chết, cỏ chết mà đá tiêu, nếu x lìa được hai bên mới gọi là diệu ngộ.

Hỏi: lìa cả hai có, không chính là có thể hai kiến chẳng sinh, nay nói chẳng có chẳng không tức rơi vào ngu si luận ư!

Đáp: người lúc mới dính mắc có, kể là theo dấu vết nhiễm không, nay tuy cả hai đều là bệnh tiêu nhưng cả hai chẳng phải tận khởi do thể gọi là chúng sinh khắp nơi đều đắm chấp lời chứng thật này. Nếu xa lìa được hai bên không chấp Trung đạo, vắng lặng như vậy không nương tựa, lý tự kế hợp sâu mầu, trở lại đạo gốc chấp đây ư!

Hỏi: Tuy nói chúng sinh chỗ nào cũng chấp, lại nói dẫn dắt khiến họ được ra khỏi xin nêu bày tông huyền diệu khiến cho hư tâm không nơi nương tựa ư!

Đáp: Kinh nói pháp ấy không thể nêu bày, tướng ngôn từ vắng lặng, nay sẽ chỉ bày cái không thể chỉ bày, người phải nghe cái không thể nghe, kinh này lấy chánh pháp thật tướng làm tông, nói nhân nói quả, bỏ quyền bày thật đều là trong vô danh tướng mượn danh tướng nói làm dụng.

Hỏi: Làm sao biết thật tướng chánh pháp làm tông?

Đáp: Như trước đã dẫn, pháp ấy không thể chỉ bày tức là thật

tướng. Lại hai muôn ức Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ở quá khứ dạy: “Nghĩa thật tướng các pháp đã vì các ông nói”, Lại nói: tướng vắng lặng của các pháp thể dùng ngôn ngữ nói bày. Lại nói các pháp xưa nay tướng thường tự vắng lặng vẫn xứ rất nhiều không thể nêu đủ. Lại muốn nói về tông chỉ kinh thì phải quán xét đề kinh. Đề nói Diệu pháp tức là chánh pháp, chánh pháp như Hoa Nghiêm chép: “tánh Chánh pháp xa lìa tất cả đường ngữ ngôn, tất cả đường, chẳng phải đường đều là tướng tịnh diệt, chánh pháp bật nơi danh tướng nên mới gọi là Diệu. Nếu đề cập đến bốn câu thì làm sao có diệu ư!

Hỏi: Nếu phi nhân phi quả thì lẽ ra cũng phi chánh phi tà, phi hư phi thật, vì sao gọi là thật tướng chánh pháp ư?

Đáp: Thật như đã hỏi, phi tà phi chánh phi thật phi hư, chẳng biết lấy gì gọi, là vì muốn xuất hiện ở chúng sinh ở trong vô danh tướng, mượn danh tướng nói cho nên gượng gọi là chánh pháp. Đại kinh chép: Ê-la-bà-di thật không ăn dầu gượng gọi là ăn dầu đều có loại như vậy.

Hỏi: Nếu nói phi nhân phi quả phi hư phi thật, đây chính là chân đế bốn vong, làm sao khai diệu chỉ Nhất thừa ư!

Đáp: Đã nói phi nhân phi quả cũng phi tục phi chân phi duyên phi quán, cho nên Thích luận giải thích Bát-nhã: Nhân là một bên quả là một bên lìa hai bên gọi là Trung đạo. Lại nói duyên là một bên quán là một bên lìa hai bên mới gọi Trung đạo. Ngài Triệu Công nói: trong luận Niết-bàn chép: Pháp chẳng có tướng có, không, cho nên vô số ở ngoài, bậc Thánh chẳng có trí có, không, nên vô tâm ở trong, đối ngoài vô số ở trong vô tâm, kia đã vắng lặng chính gọi là Niết-bàn đâu phải chân đế!.

Hỏi: Vì sao nhân quả lấy làm dụng ư!

Đáp: Chánh pháp thật chẳng phải nhân quả, vì chúng sinh mà khai pháp môn nhân quả, nên gọi là dụng, quyền thật cũng vậy. Chỉ là nhân quả nay nói khác với nhân quả xưa, nói nhân là đầy đủ hai nhân:

- 1) Phật tánh.
- 2) Duyên nhân.

Vì chúng sinh có Phật tánh nên tu muôn hạnh mới thành Phật. Nói quả cũng đủ hai quả:

- 1) Chẳng có đức nào không tròn đầy.
- 2) Không hệ lụy nào không dứt hết, nghĩa này hiện ở luận Pháp Hoa ở sau sẽ nói. Cho nên, nói chánh Pháp là thể, nhân quả là dụng.